

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TƯ PHÁP**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

**TRẦN DANH PHÚ**

**PHÁP LUẬT VỀ CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH  
CHẤP THƯƠNG MẠI NGOÀI TÒA ÁN Ở VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ CÔNG BỐ  
CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC THEO QUY ĐỊNH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 9380107

**Hà Nội - 2025**

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC THEO QUY ĐỊNH**

<b>STT</b>	<b>Tên bài viết</b>	<b>Thời gian công bố</b>	<b>Tên tạp chí</b>	<b>Chỉ số ISSN</b>	<b>Cơ quan xuất bản</b>	<b>Điểm<sup>1</sup></b>
1	Kinh nghiệm kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế và đề xuất cho Việt Nam	Tháng 5/2025	Luật học	0868-3522	Trường Đại học Luật Hà Nội	1.0
2	Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án ở Việt Nam – Định hướng hoàn thiện pháp luật	Tháng 10/2025	Nghề luật	1859-3631	Học viện Tư pháp	0.75
3	Lựa chọn giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án trong thời đại mới ở Việt Nam	Tháng 10/2025	Khoa học Kiểm sát		Trường Đại học Kiểm sát	0.75
<b>TỔNG ĐIỂM CÔNG TRÌNH</b>						<b>2.5</b>

<sup>1</sup> Theo Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2025 (Quyết định 26/QĐ-HĐGSNN) do Chủ tịch Hội đồng Giáo sư nhà nước phê duyệt – chuyên ngành Luật học.

ISSN 0868 - 3522

Tạp chí

# Luật Học

Journal of Legal Studies

Số 5

2025



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

## MỤC LỤC

Trang

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ♦ Vai trò của văn hoá pháp lí với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay  
BÙI XUÂN PHÁI 3
- ♦ Bảo đảm pháp lí quyền của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Đông Nam Á - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam  
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG 16
- ♦ Hình phạt tù chung thân không xét giảm án trong Dự thảo Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2025  
NGUYỄN TUYẾT MAI 33
- ♦ Quy định của pháp luật Hoa Kỳ về tài sản số và một số gợi ý cho Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số Việt Nam  
NGUYỄN HỒNG SƠN, PHẠM THỊ GIANG THU 47
- ♦ Kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức trong việc thực thi các quy định của Liên minh châu Âu về bảo vệ dữ liệu cá nhân và đề xuất cho Việt Nam  
NGUYỄN TUẤN LINH, PHAN THỊ HÀ LINH, TRẦN BẢO SƠN, PHAN VŨ 63
- ♦ Pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo ở Việt Nam và những kiến nghị hoàn thiện  
TĂNG THỊ THU TRANG 77
- ♦ Tác động của chuyển đổi số đến đảm bảo quyền kinh doanh của người khuyết tật - Kinh nghiệm trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam  
HUỲNH THỊ NGỌC DIỄM, ĐỖ THANH HƯƠNG 88
- ♦ Kinh nghiệm kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế và đề xuất cho Việt Nam  
TRẦN DANH PHÚ 103
- ♦ Pháp luật Việt Nam về phát triển điện gió ngoài khơi: Thực trạng và đề xuất  
PHẠM THỊ BẮC HÀ 115
- ♦ Nghĩa vụ bảo vệ môi trường biển theo Công ước Luật biển năm 1982 - Sự phát triển và những thách thức từ thực tiễn quốc tế  
NGUYỄN TOÀN THẮNG 131



## **CONTENTS**

*Pages*

### **RESEARCH - EXCHANGE OF OPINIONS**

- ◆ The role of legal culture in the sustainable development of businesses in Vietnam today  
BUI XUAN PHAI 3
- ◆ Legal guarantees for women's political rights in southeast ASIAN countries — Lessons for Vietnam  
NGUYEN THI QUYNH TRANG 16
- ◆ Life imprisonment without parole in the 2025 Draft Amended Penal Code  
NGUYEN TUYET MAI 33
- ◆ The legal framework governing digital assets under United States's law and selected recommendations for Vietnam's Draft legislation on Digital Technology Industry  
NGUYEN HONG SON, PHAM THI GIANG THU 47
- ◆ Experience of the Federal Republic of Germany in implementing the European Union's regulations on personal data protection and suggestions for Vietnam  
NGUYEN TUAN LINH, PHAN THI HA LINH, TRAN BAO SON, PHAN VU 63
- ◆ The legal framework for altruistic surrogacy in Vietnam and recommendations for improvement  
TANG THI THU TRANG 77
- ◆ The impact of digital transformation on ensuring business rights of people with disabilities – International experiences and recommendations for Vietnam  
HUYNH THI NGOC DIEM, DO THANH HUONG 88
- ◆ Experiences in integrating dispute resolution methods choices and recommendations for Vietnam  
TRAN DANH PHU 103
- ◆ Vietnamese law on offshore wind power development: Current situation and recommendations  
PHAM THI BAC HA 115
- ◆ The obligation to protect the marine environment under the 1982 Law of the Sea Convention - Developments and challenges from international practices  
NGUYEN TOAN THANG 131



# KINH NGHIỆM KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THAY THẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

TRẦN DANH PHÚ \*

**Tóm tắt:** Bên cạnh các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống như toà án, các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (Alternative Dispute Resolution - ADR) như thương lượng, hoà giải, trọng tài đã và đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới. Đáng chú ý, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình lai ghép (hybrid models), kết hợp linh hoạt giữa các phương thức ADR nhằm khai thác tối đa lợi thế của từng phương thức và thích ứng với đặc thù từng vụ việc. Bài viết này tập trung phân tích kinh nghiệm quốc tế trong việc kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam, góp phần xây dựng hệ thống giải quyết tranh chấp hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Giải quyết tranh chấp thay thế; mô hình lai; Med-Arb; Arb-Med-Arb; Lit-Med-Lit

Nhận bài: 08/4/2025

Hoàn thành biên tập: 29/5/2025

Duyệt đăng: 29/5/2025

## EXPERIENCES IN INTEGRATING DISPUTE RESOLUTION METHODS CHOICES AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

**Abstract:** In addition to traditional dispute resolution methods such as litigation in courts, alternative dispute resolution (ADR) methods—including negotiation, mediation, and arbitration—have been widely adopted due to their advantages in flexibility, efficiency, and confidentiality. Notably, many countries have developed hybrid models that flexibly combine various ADR methods in order to maximise the strengths of each method and adapt to the specific characteristics of each dispute. This article analyses international experiences in combining selective dispute resolution methods such as Med-Arb, Arb-Med-Arb, and Lit-Med-Lit. From this analysis, the article proposes several recommendations for improving the legal framework and practical implementation in Vietnam, thereby contributing to the development of an effective dispute resolution system that meets the demands of integration and sustainable development.

**Keywords:** Alternative dispute resolution; hybrid models; Med-Arb; Arb-Med-Arb; Lit-Med-Lit...

Received: 8 April 2025; Editing completed: 29 May 2025; Accepted for publication: 29 May 2025

### 1. Đặt vấn đề

Ở nhiều nước trên thế giới, giải quyết tranh chấp thương mại luôn chiếm tỉ lệ lớn trong các tranh chấp, do đó việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để giải quyết các tranh chấp này luôn được quan tâm chú trọng và ngày càng hoàn thiện hơn. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới có xu hướng khuyến khích các bên tranh chấp thương mại cân nhắc, lựa chọn

giải quyết tranh chấp bằng các phương thức mang tính chất phi nhà nước. Các phương thức này ngày càng có xu hướng phát triển mạnh mẽ, hiệu quả, chuyên nghiệp và phổ biến. Hơn nữa, ngoài các phương thức như thương lượng, hoà giải, trọng tài, một số quốc gia đã áp dụng mô hình kết hợp (hybrid models) các phương thức này để đạt được hiệu quả tốt hơn khi giải quyết tranh chấp thương mại.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ngoài toà

\* Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh Khoa 28, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: phutd@hlu.edu.vn



án thực sự mới chỉ được đặt ra và tập trung xoay quanh các phương thức thương lượng, hoà giải, trọng tài. Đây là những phương thức đã được pháp luật Việt Nam quy định, trong khi đó các phương thức kết hợp chưa có quy định cụ thể. Để có các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án đa dạng cho các bên lựa chọn, một trong những việc làm cần thiết là tiếp tục nghiên cứu, đánh giá hệ thống, toàn diện pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thay thế ngoài toà án hiện nay. Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục tham khảo các phương thức giải quyết tranh chấp mới, trong đó có các phương thức kết hợp, qua đó hoàn thiện các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án ở nước ta. Do đó, việc nghiên cứu, tìm hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại kết hợp, phân tích ưu, nhược điểm của các phương pháp này, qua đó đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại nói chung và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án nói riêng là cần thiết.

## **2. Các mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế và thực tiễn áp dụng trên thế giới**

Trong thực tiễn quốc tế, để tận dụng ưu điểm của từng phương thức ADR và khắc phục những hạn chế của việc áp dụng đơn lẻ, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình giải quyết tranh chấp mang tính kết hợp. Các mô hình này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp mà còn tăng cường tính chủ động và thoả thuận giữa các bên. Hiện nay có một số phương thức/mô hình kết hợp được sử dụng phổ biến như sau:

### **2.1. Hoà giải - Trọng tài (Med-Arb)**

Med-Arb là viết tắt của “Mediation -

Arbitration”, chỉ cơ chế giải quyết tranh chấp kết hợp hai giai đoạn, đầu tiên là hoà giải, nếu không thành công thì chuyển sang trọng tài<sup>1</sup>. Điểm đặc biệt của phương thức này là người thứ ba trung lập (neutral third party) ban đầu giữ vai trò hoà giải viên và nếu hoà giải thất bại, có thể chuyển sang vai trò trọng tài viên để ra phán quyết cuối cùng có giá trị ràng buộc pháp lý đối với các bên tranh chấp<sup>2</sup>.

Đây là một phương thức kết hợp, giúp tận dụng điểm mạnh của cả hoà giải (tính tự nguyện, linh hoạt) và trọng tài (tính ràng buộc, hiệu lực thi hành và tính chung thẩm của phán quyết). Phương thức Med-Arb diễn ra qua hai giai đoạn kế tiếp nhau:

- Giai đoạn 1 - Hoà giải: Các bên tranh chấp cùng lựa chọn một người trung lập (có thể là hoà giải viên độc lập hoặc được chỉ định bởi một tổ chức hoà giải) nhằm hỗ trợ đàm phán, tìm kiếm giải pháp tự nguyện. Nếu đạt được thoả thuận, tranh chấp kết thúc tại đây với kết quả có thể được chuyển thành hợp đồng hoặc công nhận bởi trọng tài.

- Giai đoạn 2 - Trọng tài: Trong trường hợp hoà giải không thành, hoà giải viên có thể chuyển sang vai trò trọng tài viên (nếu được các bên đồng ý từ đầu) để xét xử vụ tranh chấp theo thủ tục trọng tài, với phán quyết mang tính ràng buộc và có thể được thi hành như một bản án trọng tài độc lập.

Điều kiện tiên quyết để Med-Arb được triển khai là thoả thuận Med-Arb của các bên

<sup>1</sup> Moses, Margaret L. (2017), *The Principles and Practice of International Commercial Arbitration* (3rd ed.), Cambridge University Press, tr. 21.

<sup>2</sup> S.I. Strong (2012), “Does Class Arbitration ‘Change the Nature’ of Arbitration? Stolt-Nielsen, AT&T and a Return to First Principles”, *Harvard Negotiation Law Review*, Vol. 17, <https://journals.law.harvard.edu/hnlr/wp-content/uploads/sites/91/2012/09/201-272.pdf>, truy cập 30/3/2025.



phải rõ ràng về cả quy trình lẫn người trung gian đảm nhiệm hai vai trò<sup>3</sup>. Nhiều mô hình cũng cho phép một trọng tài viên riêng biệt thực hiện vai trò phán xử nếu hoà giải thất bại nhằm tránh nguy cơ xung đột vai trò.

Một trong những ưu điểm lớn nhất của Med-Arb là khả năng tiết kiệm chi phí và rút ngắn thời gian tố tụng nhờ tận dụng kết quả hoà giải thành của giai đoạn hoà giải để tránh phải tiến hành toàn bộ quy trình trọng tài truyền thống. Đồng thời, khi biết rằng nếu hoà giải thất bại, vụ việc sẽ được phân xử bằng phán quyết ràng buộc, các bên có động lực cao hơn để hợp tác thiện chí trong hoà giải. Ngoài ra, kết quả hoà giải, nếu được ghi nhận dưới hình thức phán quyết thuận tình (*consent award*), sẽ có hiệu lực tương đương với phán quyết trọng tài, đảm bảo khả năng cưỡng chế thi hành tại hơn 160 quốc gia theo Công ước New York<sup>4</sup>.

Tuy nhiên, Med-Arb cũng tiềm ẩn những rủi ro pháp lý, đặc biệt là nguy cơ vi phạm nguyên tắc bảo mật và khách quan trong quá trình giải quyết tranh chấp. Nếu hoà giải viên chuyển sang làm trọng tài viên, họ có thể bị ảnh hưởng bởi các thông tin nhạy cảm đã thu thập được trong giai đoạn hoà giải, mà đáng lẽ không được sử dụng khi xét xử<sup>5</sup>. Điều này làm phát sinh lo ngại về xung đột vai trò (*role confusion*) và tính công bằng

của phán quyết. Bên cạnh đó, việc thiếu một khuôn khổ pháp lý rõ ràng để điều chỉnh quy trình Med-Arb ở nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam, khiến cho việc triển khai mô hình này còn gặp trở ngại trong thực tiễn, nhất là khi phát sinh tranh chấp về thẩm quyền, hiệu lực của thoả thuận hoặc lựa chọn trung gian thứ ba. Vì những lý do đó, một mô hình hợp lý hơn, đó là biến thể Arb-Med-Arb, trong đó hoà giải được thực hiện giữa hai giai đoạn trọng tài và do một người trung lập khác đảm nhiệm, nhằm đảm bảo tính tách bạch và trung lập tuyệt đối giữa hai vai trò.

Pháp luật Singapore quy định về kết hợp hoà giải - trọng tài được thể hiện qua một số điều khoản quan trọng trong Luật Hoà giải Singapore (*Singapore Mediation Act 2017*)<sup>6</sup>. Cụ thể, tại Điều 8 về tạm hoãn các thủ tục tố tụng tại toà án quy định: khi một bên trong thoả thuận hoà giải khởi kiện trước toà án chống lại bên kia về vấn đề đã được thoả thuận hoà giải, bên kia có thể yêu cầu toà án tạm hoãn các thủ tục tố tụng liên quan đến vấn đề đó. Tại Điều 12 ghi nhận thoả thuận hoà giải thành công như một lệnh của toà án, yêu cầu này phải được thực hiện trong vòng 8 tuần kể từ ngày thoả thuận được lập hoặc trong khoảng thời gian dài hơn nếu toà án cho phép. Khi một bên trong thoả thuận hoà giải khởi kiện trước toà án chống lại bên kia về vấn đề đã được thoả thuận hoà giải, bên kia có thể yêu cầu toà án tạm hoãn các thủ tục tố tụng liên quan đến vấn đề đó. Các quy định này đã tạo điều kiện cho các trung tâm trọng tài tại Singapore phối hợp liên kết giữa hoà giải và trọng tài.

Trung tâm Hoà giải Quốc tế Singapore (*Singapore International Commercial Court -*

<sup>3</sup> Jacqueline Nolan-Haley (2012), "Mediation: The 'New Arbitration'", *Harvard Negotiation Law Review*, Vol. 17, <https://journals.law.harvard.edu/hnlr/wp-content/uploads/sites/91/2012/09/61-96.pdf>, truy cập 30/3/2025.

<sup>4</sup> UNCITRAL (2016), *UNCITRAL Secretariat Guide on the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards (New York, 1958)*, [https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/2016\\_guide\\_on\\_the\\_convention.pdf](https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/2016_guide_on_the_convention.pdf), truy cập 30/3/2025.

<sup>5</sup> Boulle, Laurence & Nesic, Miryana (2001), *Mediation: Principles, Process Practice*, Butterworths, tr. 265.

<sup>6</sup> Luật Hoà giải Singapore 2017, <https://sso.agc.gov.sg/Act/MA2017#pr8->, truy cập 02/4/2025.



SIMC) và Toà Trọng tài Quốc tế Thâm Quyền (Shenzhen Court of International Arbitration - SCIA) đã hợp tác thiết lập Quy trình Hoà giải - Trọng tài SIMC-SCIA (Med-Arb Protocol, gọi tắt là “MA Protocol”)<sup>7</sup>, nhằm cho phép ghi nhận bất kỳ thoả thuận hoà giải nào đạt được tại SIMC dưới hình thức một phán quyết trọng tài của SCIA. Các bên có thể áp dụng quy trình này để tăng cường tính chung thẩm của kết quả hoà giải, trong trường hợp cần cường chế thi hành các thoả thuận đã đạt được.

Được ra mắt vào ngày 25/11/2022, Quy trình MA đặc biệt hữu ích đối với các bên có tranh chấp thương mại tại Trung Quốc hoặc khi đối tượng của tranh chấp nằm ở Trung Quốc. Quy trình này áp dụng cho mọi tranh chấp được đưa ra hoà giải tại SIMC, dù do các bên trực tiếp yêu cầu hay thông qua SCIA bằng việc khởi kiện trọng tài.

Trong trường hợp các thủ tục trọng tài tại SCIA đã được khởi xướng trước khi các bên nộp đơn hoà giải tại SIMC, quá trình trọng tài tại SCIA sẽ tạm dừng cho đến khi SCIA nhận được kết quả của quá trình hoà giải.

Nếu tranh chấp được hoà giải thành công tại SIMC, với sự đồng thuận của tất cả các bên, bất kỳ bên nào tham gia hoà giải đều có thể nộp đơn lên SCIA theo Quy trình MA để yêu cầu ghi nhận thoả thuận hoà giải thành phán quyết trọng tài của SCIA<sup>8</sup>.

## **2.2. Trọng tài - Hoà giải - Trọng tài (Arb-Med-Arb)**

Arb-Med-Arb (viết tắt của Arbitration-Mediation- Arbitration) là một cơ chế giải

quyết tranh chấp trong đó quá trình bắt đầu bằng trọng tài và sau đó tạm dừng để các bên thực hiện hoà giải. Nếu hoà giải thành công, thoả thuận được ghi nhận như một quyết định cuối cùng; nếu hoà giải thất bại, quy trình trọng tài tiếp tục và trọng tài viên sẽ ra phán quyết ràng buộc về mặt pháp lí.

Khác với Med-Arb, Arb-Med-Arb giữ vai trò của trọng tài viên và hoà giải viên tách biệt về mặt chức năng và thời gian. Điều này cho phép giảm thiểu nguy cơ xung đột vai trò, đặc biệt là về tính bảo mật và sự công bằng trong việc xét xử. Quy trình Arb-Med-Arb gồm ba bước chính:

- Giai đoạn 1 - Trọng tài: Các bên khởi kiện tranh chấp theo cơ chế trọng tài, lập hội đồng trọng tài, trình bày yêu cầu và tài liệu, tiến hành phiên điều trần sơ bộ (preliminary hearing).

- Giai đoạn 2 - Hoà giải: Sau khi đã trình bày rõ lập trường và chứng cứ, các bên đồng ý chuyển sang hoà giải (có thể do chính trọng tài viên tiến hành hoặc một bên thứ ba độc lập đảm nhiệm vai trò hoà giải viên). Quá trình hoà giải được thực hiện riêng biệt, thường không có việc ghi chép biên bản chính thức để bảo vệ tính linh hoạt và bảo mật.

- Giai đoạn 3 - Trọng tài (nếu cần thiết): Nếu hoà giải thất bại, trọng tài được khôi phục. Trọng tài viên (hoặc hội đồng trọng tài) sẽ tiếp tục giải quyết vụ việc và ra phán quyết cuối cùng với giá trị ràng buộc pháp lí.

Cơ chế Arb-Med-Arb có thể quy định rõ rằng trong giai đoạn hoà giải, trọng tài viên không được tiếp cận thông tin bí mật hoặc đề xuất hoà giải từ bất kỳ bên nào nhằm bảo đảm tính khách quan trong giai đoạn xử lí cuối cùng. Arb-Med-Arb được đánh giá cao bởi việc tách bạch rõ ràng hai vai trò giúp đảm bảo rằng hoà giải không ảnh hưởng đến

<sup>7</sup> The SIMC-SCIA Med-Arb Protocol, [https://simc.com.sg/sites/default/files/content-files/Protocols/SIMC-SCIA%20MA%20Protocol%20\(Final\).pdf](https://simc.com.sg/sites/default/files/content-files/Protocols/SIMC-SCIA%20MA%20Protocol%20(Final).pdf), truy cập 02/4/2025.

<sup>8</sup> SIMC Med-Arb, <https://simc.com.sg/med-arb>, truy cập 30/3/2025.



tính khách quan của trọng tài. Nếu hoà giải thành, các bên có thể yêu cầu hội đồng trọng tài ra một “phán quyết theo thoả thuận” (consent award) có giá trị tương đương với phán quyết trọng tài.

Singapore là quốc gia đi đầu trong việc thiết lập mô hình Arb-Med-Arb thông qua thoả thuận hợp tác giữa Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (Singapore International Mediation Centre - SIAC) và Trung tâm Hoà giải Quốc tế Singapore (SIMC). Theo Quy trình Arb-Med-Arb của SIAC-SIMC, trọng tài viên và hoà giải viên sẽ được SIAC và SIMC bổ nhiệm riêng biệt và độc lập theo quy tắc trọng tài và hoà giải tương ứng của từng trung tâm. Trừ khi các bên có thoả thuận khác, trọng tài viên và hoà giải viên thường sẽ là những người khác nhau<sup>9</sup>.

Một thoả thuận hoà giải đạt được trong quy trình Arb-Med-Arb có thể được ghi nhận thành phán quyết thuận tình. Phán quyết này được công nhận là phán quyết trọng tài, tùy thuộc vào pháp luật và yêu cầu địa phương, có thể được thi hành tại khoảng 160 quốc gia theo Công ước New York. Như vậy, các bên có thể đạt được tính chung thẩm thông qua cả hoà giải lẫn trọng tài<sup>10</sup>. Khi sử dụng phương thức Arb-Med-Arb của SIAC và SIMC, các bên đưa các điều khoản mẫu Arb-Med-Arb sau đây vào trong hợp đồng nhằm thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp: “*Bất kì tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc chấm dứt hợp đồng, sẽ được đưa ra và cuối cùng được giải*

*quyết bằng trọng tài do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) quản lý, theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (Quy tắc SIAC) đang có hiệu lực tại thời điểm tiến hành trọng tài và các quy tắc này được coi là đã được dẫn chiếu và tích hợp vào điều khoản này.*

Các bên cũng đồng ý rằng, sau khi bắt đầu thủ tục trọng tài, họ sẽ thiện chí nỗ lực giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải tại Trung tâm Hoà giải Quốc tế Singapore (SIMC), theo Quy trình Arb-Med-Arb của SIAC-SIMC đang có hiệu lực tại thời điểm tiến hành hoà giải. Bất kì thoả thuận nào đạt được trong quá trình hoà giải sẽ được chuyển đến hội đồng trọng tài do SIAC chỉ định và có thể được ghi nhận thành phán quyết thuận tình theo các điều khoản đã thoả thuận”<sup>11</sup>.

Ủy ban Trọng tài Thương mại và Kinh tế Quốc tế Trung Quốc (China International Economic and Trade Arbitration Commission - CIETAC) cho phép chuyển đổi linh hoạt giữa hoà giải và trọng tài, với nguyên tắc không tiết lộ thông tin nhạy cảm giữa hai quy trình. CIETAC còn cho phép hoà giải viên ra phán quyết theo thoả thuận (settlement award) nếu hai bên đạt được hoà giải thành.

Quy tắc trọng tài của CIETAC quy định tại Điều 47 - Kết hợp hoà giải với trọng tài. Trong trường hợp cả hai bên đều muốn hoà giải hoặc một bên muốn hoà giải và bên kia đã được trọng tài chấp thuận, trọng tài có thể hoà giải tranh chấp trong quá trình tố tụng trọng tài. Các bên cũng có thể tự giải quyết tranh chấp của mình. Trường hợp các bên yêu cầu tuyên bố hoà giải, tuyên bố hoà giải

<sup>9</sup> SIMC Arb-Med-Arb, <https://simc.com.sg/arb-med-arb>, truy cập 20/3/2025.

<sup>10</sup> SIMC Arb-Med-Arb, <https://simc.com.sg/arb-med-arb>, truy cập 20/3/2025.

<sup>11</sup> SIAC - SIMC Arb-Med-Arb Clause, <https://simc.com.sg/sites/default/files/content-files/SIAC-SIMC%20arb-med-arb%20Clause.pdf>, truy cập 30/3/2025.



phải nêu rõ yêu cầu của các bên và các điều khoản của thoả thuận giải quyết. Tuyên bố này phải được các trọng tài viên kí, CIETAC đóng dấu và gửi cho cả hai bên. Trường hợp hoà giải không thành công, hội đồng trọng tài sẽ tiếp tục tiến hành tổ tụng trọng tài và đưa ra phán quyết trọng tài<sup>12</sup>.

Luật Trọng tài Hồng Kông (Hong Kong Arbitration Ordinance) khuyến khích mô hình Arb-Med-Arb với điều kiện: các bên đồng ý trước bằng văn bản; trọng tài viên không được ra phán quyết nếu đã thực hiện vai trò hoà giải viên trừ khi các bên đồng ý tiếp tục (Mục 33)<sup>13</sup>.

Hệ thống pháp luật của Cộng hoà Liên bang Đức xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa hai phương thức giải quyết

tranh chấp ngoài toà án là hoà giải và trọng tài, qua đó khuyến khích các bên lựa chọn hướng đi dựa trên sự tự nguyện và thoả thuận. Theo quy định tại Bộ luật Tổ tụng Dân sự Đức (Zivilprozessordnung - ZPO)<sup>14</sup>, đặc biệt trong Đạo luật Trọng tài<sup>15</sup>, các bên tranh chấp có thể chuyển đổi linh hoạt từ hoà giải sang trọng tài hoặc đồng thời sử dụng cả hai phương thức trong cùng một quy trình giải quyết. Điển hình, Điều 1031 ZPO cho phép các bên lồng ghép vào thoả thuận trọng tài những cơ chế giải quyết tranh chấp khác, bao gồm cả hoà giải. Trong trường hợp việc hoà giải được thực hiện trong thời gian tạm hoãn trọng tài, Điều 1053 ZPO quy định rõ rằng thoả thuận đạt được từ hoà giải có thể được công nhận dưới hình thức phán quyết trọng tài (Schiedsspruch), có giá trị ràng buộc và có thể thi hành.

Đạo luật Hoà giải của Cộng hoà Liên bang Đức (Mediationsgesetz - MedG)<sup>16</sup> nhấn mạnh vai trò tích cực của hoà giải trong việc hỗ trợ các bên đạt được thoả thuận một cách tự nguyện, đồng thời cho phép kết hợp với các cơ chế pháp lý khác như trọng tài để đảm bảo hiệu quả thi hành. Điều 4 MedG cũng nêu rõ rằng thoả thuận hoà giải có thể được công nhận chính thức và thi hành nếu các bên thống nhất đưa nội dung đó vào một công cụ pháp lý có tính ràng buộc, chẳng hạn như phán quyết trọng tài.

### **2.3. Tổ tụng - Hoà giải - Tổ tụng (Lit-Med-Lit)**

Phương thức Lit-Med-Lit (viết tắt của Litigation - Mediation - Litigation) là một cơ

<sup>12</sup> CIETAC Arbitration Rules 2021, <https://www.cietac.org/en/articles/32216>, truy cập 20/3/2025.

<sup>13</sup> Hong Kong Arbitration Ordinance, <https://www.elegislation.gov.hk/hk/cap609>, truy cập 20/3/2025. Mục 33. Quyền của trọng tài viên trong vai trò là người hoà giải

1. Nếu tất cả các bên đồng ý bằng văn bản và miễn là không có bên nào rút lại sự đồng ý bằng văn bản của bên đó, trọng tài viên có thể đóng vai trò là người hoà giải sau khi thủ tục trọng tài đã bắt đầu.
2. Nếu trọng tài viên đóng vai trò là người hoà giải, thủ tục trọng tài phải được hoãn lại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành thủ tục hoà giải.
3. Trọng tài viên đóng vai trò là người hoà giải: (a) có thể liên lạc với các bên một cách tập thể hoặc riêng biệt; và (b) phải coi thông tin mà trọng tài viên thu thập được từ một bên là thông tin bí mật, trừ khi bên đó đồng ý khác hoặc trừ khi áp dụng khoản (4).
4. (a) trọng tài viên thu thập được thông tin bí mật từ một bên trong quá trình hoà giải do trọng tài viên tiến hành với tư cách là người hoà giải; và (b) các thủ tục hoà giải đó chấm dứt mà không đạt được thoả thuận có thể chấp nhận được đối với các bên, trước khi tiếp tục thủ tục trọng tài, trọng tài viên phải tiết lộ cho tất cả các bên khác nhiều thông tin mà trọng tài viên cho là quan trọng đối với thủ tục trọng tài.
5. Không được phản đối việc tiến hành thủ tục trọng tài của trọng tài viên chỉ vì lý do trọng tài viên đã từng hành động như một người hoà giải theo phần này.

<sup>14</sup> ZPO - Zivilprozessordnung, <https://www.gesetze-im-internet.de/zpo/>, truy cập 04/4/2025.

<sup>15</sup> German Arbitration Law, <https://www.disarb.org/en/resources/legislation-treaties>, truy cập 04/4/2025.

<sup>16</sup> Mediationsgesetz - MedG, <https://www.gesetze-im-internet.de/mediationsg/BJNR157710012.html>, truy cập 04/4/2025.



chế giải quyết tranh chấp kết hợp linh hoạt giữa tố tụng tư pháp truyền thống và hoà giải, phản ánh xu hướng cải cách tư pháp hiện đại theo hướng “hướng về các bên” (party-oriented) và tiết kiệm nguồn lực công. Theo mô hình này, một vụ tranh chấp được khởi kiện tại toà án theo thủ tục tố tụng thông thường; trong quá trình xét xử, thẩm phán có thể khuyến nghị hoặc yêu cầu các bên tham gia hoà giải với sự hỗ trợ của một hoà giải viên độc lập. Nếu hoà giải thành công, thoả thuận đạt được có thể được toà án công nhận như một bản án. Nếu không thành, vụ việc trở lại quy trình tố tụng để tiếp tục xét xử.

Mặc dù không phải là một mô hình mới về mặt lý thuyết, Lit-Med-Lit thể hiện bước tiến quan trọng trong tư duy cải cách tư pháp, nhất là ở các quốc gia đang tìm kiếm giải pháp để cân bằng giữa yêu cầu công lý và hiệu quả quản trị tư pháp. Đáng chú ý, mô hình này không coi hoà giải là thủ tục “tùy chọn”, mà đề xuất tổ chức hoà giải như một giai đoạn độc lập trong quy trình tố tụng. Giai đoạn này có thể tách bạch về thủ tục, nhân sự và điều kiện pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả thực chất của hoà giải và tăng cường sự tin tưởng từ phía các bên đương sự.

Trước tình trạng quá tải của hệ thống toà án và nhu cầu giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, ít đối kháng và giữ gìn quan hệ lâu dài giữa các bên, Lit-Med-Lit trở thành giải pháp trung gian hợp lý. Nó cho phép tranh chấp được giải quyết bằng phương thức mềm dẻo là hoà giải trước khi buộc phải xét xử theo quy trình cứng nhắc và tốn kém hơn của toà án. Quan trọng hơn, nếu được thiết kế hợp lý, mô hình này không làm mất đi quyền tiếp cận công lý của các bên, mà tạo thêm cơ hội giải quyết tranh chấp

bằng thoả thuận, trên nền tảng thiện chí và tự nguyện, phù hợp với các giá trị pháp lý tiên bộ trong xã hội hiện đại.

Mô hình Lit-Med-Lit, với việc kết hợp linh hoạt giữa tố tụng và hoà giải trong một quy trình thống nhất, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho hệ thống tư pháp và các bên tranh chấp. Trước hết, mô hình này góp phần giảm tải đáng kể cho hệ thống toà án, đặc biệt tại những quốc gia có lượng án dân sự lớn và tỉ lệ án tồn đọng cao. Bên cạnh đó, việc các bên được tạo điều kiện để tiến hành hoà giải trong quá trình tố tụng giúp duy trì mối quan hệ hợp tác, thân nhân, vốn rất quan trọng trong các tranh chấp thương mại hoặc gia đình - những lĩnh vực đòi hỏi sự tiếp nối quan hệ sau tranh chấp. Ngoài ra, Lit-Med-Lit còn có tác dụng hạn chế các bản án bị kháng cáo hoặc kéo dài, khi các bên đã có thời gian lắng nghe, hiểu rõ quan điểm của nhau trong giai đoạn hoà giải, từ đó làm tăng tính chấp hành đối với kết quả cuối cùng.

Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình Lit-Med-Lit không hoàn toàn tuyệt đối mà vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được kiểm soát. Trường hợp các bên không đạt được thoả thuận trong hoà giải, quá trình tố tụng sẽ tiếp tục diễn ra, dẫn đến việc kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp. Thêm vào đó, mô hình có thể bị lạm dụng như một công cụ trì hoãn tố tụng, khi một bên cố tình kéo dài giai đoạn hoà giải nhằm mục đích chiến thuật. Cuối cùng, một điểm cần đặc biệt lưu ý là tính trung lập và độc lập của hoà giải viên trong mô hình này, nhất là khi việc giới thiệu hoà giải viên do toà án thực hiện nhưng lại thiếu các cơ chế giám sát rõ ràng, dễ làm phát sinh nghi ngờ về tính công bằng và minh bạch trong quá trình giải quyết tranh chấp.



Singapore là quốc gia tiêu biểu trong việc thể chế hoá mô hình Lit-Med-Lit. SICC và SIMC đã hợp tác thiết lập khuôn khổ tổ tụng - hoà giải - tổ tụng nhằm thúc đẩy việc giải quyết thân thiện các tranh chấp thương mại quốc tế. Các bên có thể lựa chọn áp dụng Quy trình Lit-Med-Lit ngay trong giai đoạn đàm phán hợp đồng bằng cách lồng ghép điều khoản mẫu Lit-Med-Lit vào thoả thuận<sup>17</sup>. Ngoài ra, các bên cũng có thể thông qua một thoả thuận riêng biệt để áp dụng Quy trình Lit-Med-Lit vào bất kì thời điểm nào, kể cả sau khi tranh chấp đã phát sinh.

Có hiệu lực từ ngày 12/01/2023, Quy trình Lit-Med-Lit quy định rõ thủ tục chuyển tranh chấp từ SICC sang SIMC để hoà giải, cũng như quy trình tiếp tục hoặc chấm dứt tổ tụng tại SICC sau khi hoà giải kết thúc<sup>18</sup>. Trong số các nội dung đáng chú ý, Quy trình Lit-Med-Lit quy định rằng việc xét xử tại SICC sẽ được tạm dừng trong tối đa tám tuần kể từ thời điểm bắt đầu hoà giải, trừ khi toà án có quyết định gia hạn vì lí do chính đáng. Ngoài ra, Quy trình Lit-Med-Lit cũng công nhận quyền của toà án trong việc ban hành các biện pháp khẩn cấp nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên, ngay cả trong thời gian tạm dừng xét xử theo quản lí hồ sơ vụ án.

Đối với các vụ việc đã được khởi kiện tại SICC nhưng không có điều khoản Lit-Med-Lit trong hợp đồng, các bên vẫn có thể lựa

chọn hoà giải theo quy trình này hoặc có thể được toà án yêu cầu tham gia hoà giải. Khi bắt đầu hoà giải tại SIMC, SICC có thể tạm ngưng việc xét xử trong thời hạn tối đa tám tuần. Phần lớn các cuộc hoà giải tại SIMC chỉ kéo dài một ngày và tỉ lệ hoà giải thành đạt từ 70-80%<sup>19</sup>. Nếu hoà giải thành công, các bên có thể lựa chọn yêu cầu toà án ghi nhận nội dung thoả thuận hoà giải dưới dạng lệnh của toà. Trong trường hợp chỉ đạt được thoả thuận một phần, các bên có thể yêu cầu toà án ghi nhận phần đã thoả thuận và đề nghị hướng dẫn tiếp theo từ SICC đối với các vấn đề chưa giải quyết.

Tại Trung Quốc, Lit-Med-Lit được triển khai rộng rãi nhờ mô hình đặc biệt là Hoà giải nhân dân - xác nhận bởi toà án (人民调解 - 司法确认 - People's Mediation - Judicial Confirmation), trong đó tranh chấp được hoà giải trước tại các tổ chức hoà giải nhân dân, sau đó được toà án công nhận nhằm đảm bảo hiệu lực thi hành. Ngoài ra, từ năm 2016, Trung Quốc đã thí điểm và mở rộng mô hình Hoà giải trước, phán quyết sau (先调解, 后判决 - Mediation first, judgment later) tại một số toà án cấp địa phương như Quảng Châu, Thượng Hải, giúp giảm đáng kể số lượng án cần xét xử toàn phần<sup>20</sup>.

Mô hình này không chỉ tiết kiệm thời gian và chi phí cho cả hệ thống, mà còn duy trì sự ổn định xã hội và hạn chế căng thẳng giữa các bên tranh chấp, điều đặc biệt quan trọng trong văn hoá pháp lí Trung Hoa vốn đề cao hoà giải và quan hệ xã hội.

Tại Vương quốc Anh, mặc dù không có đạo luật riêng biệt cho Lit-Med-Lit nhưng hệ

<sup>17</sup> "Parties may choose to adopt the LML Protocol when contracts are being negotiated by incorporating the model LML Clause into their agreements. Alternatively, parties may by a separate agreement adopt the LML Protocol at any other time, such as after a dispute has arisen", <https://simc.com.sg/lit-med-lit?utm>, truy cập 01/4/2025.

<sup>18</sup> LML protocol, [https://www.judiciary.gov.sg/docs/default-source/sicc-docs/lml-protocol-\(final\).pdf](https://www.judiciary.gov.sg/docs/default-source/sicc-docs/lml-protocol-(final).pdf), truy cập 02/4/2025.

<sup>19</sup> SIMC Lit-Med-Lit, <https://simc.com.sg/lit-med-lit>, truy cập 02/4/2025.

<sup>20</sup> Yun Zhao (2022), *Mediation and Alternative Dispute Resolution in Modern China*, Springer, tr. 79.



thông pháp luật hiện hành quy định nhiều biện pháp khuyến khích sử dụng hoà giải trong suốt quá trình tố tụng. Cụ thể, Quy tắc tố tụng dân sự (Civil Procedure Rules - CPR) cùng với các thủ tục tiền tố tụng yêu cầu các bên tranh chấp phải cân nhắc nghiêm túc việc sử dụng ADR, bao gồm hoà giải trước khi khởi kiện. Nếu bên nào từ chối hoà giải một cách không hợp lý, toà án có thể áp dụng các biện pháp chế tài về chi phí (cost sanctions) bất lợi cho bên đó trong quá trình phân bổ án phí<sup>21</sup>.

Trong thực tiễn, các thẩm phán tại Anh thường chủ động đề xuất các bên tạm dừng tố tụng để hoà giải tại bất kì thời điểm nào trong quá trình xét xử. Tuy không mang tính bắt buộc nhưng phương án hoà giải được xem là tiêu chuẩn hành vi hợp lý và có thể ảnh hưởng đến kết quả phân xử chi phí cuối cùng. Cơ chế này tạo ra một hình thức Lit-Med-Lit linh hoạt, phù hợp với hệ thống tố tụng theo thông luật (common law), nơi vai trò của thẩm phán trong điều tiết tranh chấp là rất lớn.

#### *2.4. Một số nhận xét về mô hình kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thay thế ngoài toà án*

So với các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế truyền thống vốn mang tính đơn tuyến, như chỉ tiến hành hoà giải hoặc chỉ sử dụng trọng tài, các mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế cho phép linh hoạt chuyển đổi giữa các giai đoạn giải quyết tranh chấp tùy theo diễn biến thực tế.

Chẳng hạn, mô hình Arb-Med-Arb được triển khai hiệu quả tại Singapore cho phép các bên bắt đầu bằng thủ tục trọng tài, sau đó tạm ngừng để hoà giải và nếu đạt được thoả thuận, kết quả sẽ được công nhận dưới dạng phán quyết trọng tài, từ đó tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, các mô hình như Med-Arb hoặc Lit-Med-Lit tạo ra không gian đối thoại giữa các bên trước khi áp dụng biện pháp ràng buộc, qua đó góp phần giảm thiểu căng thẳng và duy trì mối quan hệ hợp tác, đặc biệt trong những tranh chấp mang tính dài hạn như liên doanh, đầu tư hoặc nội bộ doanh nghiệp.

Ưu điểm nổi bật của các mô hình kết hợp là khả năng đảm bảo thi hành. Trong khi hoà giải thuần túy không có giá trị cưỡng chế thi hành nếu không được công nhận, các mô hình như Med-Arb hay Arb-Med-Arb thường kết thúc bằng phán quyết trọng tài - một dạng phán quyết có thể thi hành theo Công ước New York năm 1958. Đặc biệt, trong những tranh chấp đa phương, liên quan đến nhiều hệ thống pháp luật, mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế tạo điều kiện áp dụng đồng thời các kĩ thuật và công cụ pháp lý đa dạng nhằm xử lý cả khía cạnh pháp lý và quan hệ thực tiễn giữa các bên.

Tuy nhiên, các mô hình này cũng có một số hạn chế. Về mặt tố tụng, mô hình Med-Arb thường có hạn chế do nguy cơ xung đột vai trò khi cùng một cá nhân vừa là hoà giải viên, vừa là trọng tài viên. Việc tiếp cận thông tin mật từ một bên trong giai đoạn hoà giải có thể ảnh hưởng đến tính khách quan trong quá trình xét xử sau đó. Trong trường hợp hoà giải thất bại, các bước trung gian trong mô hình Lit-Med-Lit hoặc Med-Arb có thể khiến tổng thời gian giải quyết tranh chấp bị kéo

<sup>21</sup> Điều 8 PDPACP: "Litigation should be a last resort. As part of a relevant pre-action protocol or this Practice Direction, the parties should consider whether negotiation or some other form of ADR might enable them to settle their dispute without commencing proceedings", [https://www.justice.gov.uk/courts/procedure-rules/civil/rules/pd\\_pre-action\\_conduct#8.1](https://www.justice.gov.uk/courts/procedure-rules/civil/rules/pd_pre-action_conduct#8.1), truy cập 02/4/2025.



dài hơn dự kiến, đi ngược lại mục tiêu ban đầu là rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí.

Ngoài ra, hạn chế lớn nhất của các mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng là chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng trong hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Việc chưa có các quy định pháp lý điều chỉnh trực tiếp hoặc cho phép kết hợp giữa các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế đã dẫn đến lúng túng trong thực tiễn áp dụng, đồng thời tạo ra những khoảng trống pháp lý gây ảnh hưởng đến hiệu lực và tính khả thi của các mô hình này.

### **3. Thực trạng áp dụng các mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ở Việt Nam và đề xuất giải pháp**

#### **3.1. Thực trạng áp dụng các mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ở Việt Nam**

Tại Việt Nam, hiện nay hoạt động trọng tài thương mại được điều chỉnh bởi Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Đối với hoạt động hoà giải thương mại, hệ thống pháp luật hiện hành mới chỉ ghi nhận và điều chỉnh thông qua Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại. Thực tiễn cho thấy, quy định pháp luật về hoà giải cũng như trọng tài tại Việt Nam còn nhiều hạn chế. Để một vụ tranh chấp được giải quyết thông qua hoà giải thương mại, thoả thuận hoà giải cần phải tuân thủ các yêu cầu về hiệu lực của hợp đồng, bao gồm yêu cầu về năng lực pháp lý của các bên kí kết, sự tự nguyện của các bên khi tham gia, nội dung thoả thuận không vi phạm các điều cấm của pháp luật hoặc đạo đức xã hội và các yêu cầu về hình thức. Tuy nhiên, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP không đề cập các điều kiện cụ thể cho việc thoả thuận hoà

giải có hiệu lực hoặc các tình huống khiến thoả thuận hoà giải trở nên vô hiệu, gây ra những trở ngại khi áp dụng trong thực tiễn. Bên cạnh đó, quy định về hoà giải chưa rõ ràng về mức độ ràng buộc pháp lý của thoả thuận hoà giải đối với việc giải quyết tranh chấp. Điều này dẫn đến câu hỏi liệu một thoả thuận hoà giải, được thể hiện trong hợp đồng hoặc được kí kết riêng rẽ bởi các bên, có bắt buộc các bên tuân thủ giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải thương mại hay không. Nếu một bên quyết định không tuân theo thoả thuận hoà giải và chọn khởi kiện tại toà án hoặc yêu cầu trọng tài giải quyết, thì họ sẽ phải đối mặt với những trách nhiệm pháp lý gì? Hơn nữa, liệu các cơ quan giải quyết tranh chấp như trọng tài và toà án có quyền thụ lý vụ việc nếu các bên đã có thoả thuận hoà giải nhưng không tuân thủ?

Thực tiễn hiện nay, quy trình kết hợp Trọng tài - Hoà giải - Trọng tài mới được thí điểm thực hiện, phối hợp giữa Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và Trung tâm Hoà giải Việt Nam (VMC) với việc thực hiện thủ tục tố tụng trọng tài và thủ tục hoà giải tiến hành độc lập và song song<sup>22</sup>. Tuy nhiên, vì nguyên tắc bảo mật, cũng như quy trình kết hợp này mới được áp dụng, do đó cần có thời gian để kiểm chứng hiệu quả.

Do chưa có luật riêng biệt về hoà giải thương mại dẫn tới hạn chế trong việc xác lập địa vị pháp lý độc lập và ổn định cho phương thức này, đặc biệt là trong các mô hình kết hợp với trọng tài. Xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện thể chế pháp lý về giải quyết tranh chấp ngoài toà án, đồng thời nhằm nâng

<sup>22</sup> VIAC (2024), *Quy trình liên thông Trọng tài - Hoà giải - Trọng tài*, <https://www.viac.vn/quy-trinh-lien-thong-trong-tai-hoa-giai-trong-tai>, truy cập 02/4/2025.



cao hiệu quả áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, việc xây dựng cơ sở pháp lý cho phép và hướng dẫn cụ thể quy trình kết hợp giữa hoà giải và trọng tài trong cùng một vụ việc là cần thiết. Đây không chỉ là bước đi phù hợp với xu thế quốc tế mà còn là giải pháp có giá trị thực tiễn cao trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với tình trạng quá tải tại các cơ quan xét xử.

### *3.2. Một số giải pháp nhằm kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế tại Việt Nam*

Từ ưu điểm và hạn chế của từng mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế cũng như thực tiễn ở Việt Nam cho thấy một số giải pháp để có thể áp dụng kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế tại Việt Nam, cụ thể:

*Thứ nhất*, bổ sung quy định về kết hợp Hoà giải - Trọng tài trong hệ thống pháp luật hiện hành

Cần sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại, theo hướng quy định rõ ràng về khả năng kết hợp giữa hai phương thức hoà giải và trọng tài. Theo đó, các bên trong quan hệ tranh chấp được quyền thoả thuận chuyển đổi từ hoà giải sang trọng tài hoặc ngược lại tại bất kì thời điểm nào trước khi có phán quyết, với điều kiện có sự đồng thuận của các bên. Đồng thời, cần ghi nhận hiệu lực pháp lý của thoả thuận hoà giải thành khi được chuyển hoá thành phán quyết trọng tài (consent award) theo yêu cầu của các bên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành trên phạm vi quốc tế theo Công ước New York năm 1958.

Bên cạnh đó, cần quy định rõ thủ tục và điều kiện để hội đồng trọng tài tạm dừng tố

tụng, chuyển sang giai đoạn hoà giải và tiếp tục xét xử nếu hoà giải không thành. Trường hợp hoà giải thành, hội đồng trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết theo nội dung thoả thuận đạt được. Quy định này cần được cụ thể hoá bằng hướng dẫn chi tiết về trình tự, biểu mẫu và thời hạn áp dụng để bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

*Thứ hai*, bổ sung các quy định về thủ tục tiền tố tụng và thoả thuận giải quyết tranh chấp đa tầng

Cần sửa đổi Điều 43 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, bổ sung quy định cho phép hội đồng trọng tài xem xét các nội dung thủ tục tiền tố tụng mà các bên đã thoả thuận, bao gồm cả hoà giải bắt buộc trước khi khởi kiện trọng tài. Điều này sẽ giúp hệ thống hoá các thoả thuận giải quyết tranh chấp đa tầng trong hợp đồng thương mại và tạo cơ chế pháp lý linh hoạt, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, khuyến khích các bên thể hiện rõ trong hợp đồng điều khoản ghi nhận: “Thoả thuận hoà giải đạt được có thể được công nhận như một phán quyết trọng tài và có giá trị thi hành tại Việt Nam và nước ngoài”, nhằm nâng cao tính ràng buộc và hiệu lực thi hành của kết quả hoà giải.

*Thứ ba*, thiết lập quy định tách bạch vai trò giữa hoà giải viên và trọng tài viên

Để bảo đảm nguyên tắc khách quan, độc lập trong quá trình giải quyết tranh chấp, pháp luật cần quy định rõ nguyên tắc không cùng một cá nhân đồng thời thực hiện vai trò hoà giải viên và trọng tài viên trong cùng một vụ việc có áp dụng cơ chế kết hợp. Việc tiếp xúc thông tin không chính thức trong giai đoạn hoà giải có thể ảnh hưởng đến tính vô tư, trung lập khi cùng cá nhân đó tham



gia xét xử tại giai đoạn trọng tài, gây ra nguy cơ xung đột vai trò (role conflicts). Mặc dù một số quốc gia cho phép mô hình vai trò kép song trong điều kiện pháp lý và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, việc quy định tách biệt là cần thiết nhằm củng cố niềm tin của các bên và bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong tố tụng trọng tài.

*Thứ tư*, xây dựng cơ chế phối hợp và quy trình nghiệp vụ chuẩn hoá cho các tổ chức trọng tài và hoà giải ở Việt Nam

Cần ban hành văn bản hướng dẫn hoặc quy chế phối hợp giữa các trung tâm trọng tài và trung tâm hoà giải được cấp phép, nhằm thiết lập quy trình kết hợp chuẩn hoá trong việc tiếp nhận, chuyển giao và giải quyết vụ việc theo mô hình kết hợp. Có thể tham khảo kinh nghiệm phối hợp giữa SIAC và SIMC, trong đó mỗi giai đoạn đều được xác định rõ phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm của các tổ chức liên quan.

Cơ quan có thẩm quyền như Bộ Tư pháp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cần chủ trì xây dựng bộ quy trình mẫu, trong đó quy định cụ thể về thủ tục hành chính, thời gian xử lý, quyền và nghĩa vụ của các bên, cũng như cơ chế giám sát chất lượng hoạt động liên kết.

*Thứ năm*, phát triển đội ngũ chuyên gia có năng lực đa phương thức và thúc đẩy tuyên truyền nhận thức về các phương thức kết hợp

Để bảo đảm triển khai hiệu quả mô hình kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, cần xây dựng chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ chuyên biệt cho các cá nhân có khả năng làm hoà giải viên và trọng tài viên (trong những vụ việc khác nhau) hoặc hiểu rõ quy trình chuyển đổi giữa các phương thức; tăng cường tổ chức các hội thảo, chương

trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, luật sư và trọng tài viên về lợi ích, rủi ro cũng như kỹ năng thực hành mô hình hoà giải, trọng tài kết hợp.

Để các mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế thực sự phát huy hiệu quả tại Việt Nam, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ và toàn diện. Bên cạnh đó, sự chủ động của cơ quan quản lý nhà nước trong việc ban hành hướng dẫn thực thi, kết hợp với nỗ lực của các trung tâm trọng tài, hoà giải trong xây dựng mô hình dịch vụ kết hợp, sẽ tạo ra tiền đề quan trọng để thúc đẩy mô hình kết hợp phương thức giải quyết tranh chấp thay thế phát triển ổn định, hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế./

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boulle, Laurence & Nesic, Miryana (2001), *Mediation: Principles, Process Practice*, Butterworths.
2. Moses, Margaret L. (2017), *The Principles and Practice of International Commercial Arbitration* (3rd ed.), Cambridge University Press.
3. Yun Zhao (2022), *Mediation and Alternative Dispute Resolution in Modern China*, Springer.
4. S.I. Strong (2012), "Does Class Arbitration 'Change the Nature' of Arbitration? Stolt-Nielsen, AT&T and a Return to First Principles", *Harvard Negotiation Law Review*, Vol. 17, <https://journals.law.harvard.edu/hnlr/wp-content/uploads/sites/91/2012/09/201-272.pdf>
5. Jacqueline Nolan-Haley (2012), "Mediation: The 'New Arbitration'", *Harvard Negotiation Law Review*, Vol. 17, <https://journals.law.harvard.edu/hnlr/wp-content/uploads/sites/91/2012/09/61-96.pdf>





Tạp chí

# Nghề Luật

*Legal Professions Review*

ISSN 1859-3631

TẠP CHÍ KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN TƯ PHÁP



**CHÀO MỪNG 10 NĂM THÀNH LẬP  
KHOA ĐÀO TẠO CHUNG NGUỒN  
THẨM PHÁN, KIỂM SÁT VIÊN, LUẬT SƯ**



- Khoa Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư - Hành trình 10 năm nhìn lại
- Phát triển nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Góc nhìn thể chế, cơ hội, thách thức, kinh nghiệm quốc tế đối với Học viện Tư pháp
- Luật Nhà giáo năm 2025 với đột phá thể chế trong quy định về chức danh nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và hướng áp dụng tại Học viện Tư pháp





# Nghề Luật

Legal Professions Review

Số 10  
2025

## Tổng biên tập

NGU.T. PGS. TS. NGUYỄN MINH HẰNG

## Phó Tổng biên tập

TS. ĐỖ THỊ THU HẰNG

## Thư ký toà soạn

ThS. VŨ THỊ THU THỦY

## Hội đồng biên tập

NGU.T. TS. Nguyễn Xuân Thu

PGS. TS. Nguyễn Minh Hằng

ThS. Nguyễn Trường Thiệp

TS. Lê Mai Anh

TS. Đỗ Thị Thu Hằng

TS. Trần Minh Tiến

TS. Phạm Thị Thúy Hồng

TS. Lê Thị Thúy Nga

TS. Vũ Thị Thu Hiền

TS. Bùi Nguyễn Phương Lê

TS. Ngô Thị Ngọc Vân

TS. Đồng Thị Kim Thoa

TS. Nguyễn Thị Vân Anh

ThS. Vũ Thị Thu Thủy

TS. Lê Thu Hằng

GS. TS. Lê Hồng Hạnh

GS. TS. Võ Khánh Vinh

GS. TS. Vũ Công Giao

PGS. TS. Hoàng Văn Nghĩa

PGS. TS. Bùi Đăng Hiếu

PGS. TS. Lê Lan Chi

PGS. TS. Nguyễn Hữu Chí

PGS. TS. Nguyễn Văn Cừ

PGS. TS. Trần Văn Độ

PGS. TS. Nguyễn Văn Huyền

TS. Nguyễn Văn Cường

TS. Đoàn Trung Kiên

TS. Trương Thế Côn

TS. Phạm Thị Thuý Nga

TS. Trần Anh Tuấn

TS. Nguyễn Văn Mích

TS. Trần Thị Hiền

TS. Nguyễn Thanh Phú

TS. Nguyễn Thị Lộc

ThS. Văn Thị Tâm Hồng

## Trụ sở Tòa soạn

Số 9 Đường Trần Vỹ

P. Phú Diễn, TP. Hà Nội

Tel: (024) 62873428 (1011-1036)

Email: ngheluathvtp@gmail.com

## Chế bản tại

Xí nghiệp In - Nhà máy Z176

Giấy phép hoạt động tạp chí in số 232/GP-BTTTT  
Ngày 20 tháng 5 năm 2022

In tại Xí nghiệp In - Nhà máy Z176

# MỤC LỤC

Trang

## CẢI CÁCH TƯ PHÁP

- Bảo đảm tính chuẩn mực về ngôn ngữ pháp lý trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1  
Phan Trung Hiền
- Chuyển đổi số và quyền con người 9  
Lê Thị Hoàng Minh

## NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

- Phát triển nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Góc nhìn từ thể chế, cơ hội, thách thức, kinh nghiệm quốc tế đối với Học viện Tư pháp 15  
Nguyễn Minh Hằng  
Nguyễn Mai Hương
- Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án ở Việt Nam - Định hướng hoàn thiện pháp luật 23  
Trần Danh Phú
- Chuyển đổi số trong quản lý đất đai - Thực trạng và giải pháp 30  
Nguyễn Xuân Trà
- Một số vấn đề về quyền nhân thân của người chuyển đổi giới tính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình 34  
Lưu Ngọc Liên
- Quyền thuê trong hợp đồng thuê đất theo Luật Đất đai năm 2024 39  
Đặng Huy Hoàng
- Một số kiến nghị về chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng bất động sản 44  
Vũ Thị Hòa  
Lương Văn Tuấn
- Hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã đáp ứng yêu cầu phát triển mô hình kinh tế hợp tác xã trong tình hình mới 52  
Nguyễn Thế Anh  
Nguyễn Hồng Sơn
- Xây dựng Tòa án khu vực - Bảo đảm độc lập tư pháp trong xét xử các vụ án hành chính 56  
Trần Thị Kim Oanh
- Pháp luật về mối quan hệ giữa án lệ và các nguồn luật trong việc giải quyết các vụ việc dân sự ở Việt Nam - Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện 61  
Nguyễn Thị An Na  
Phan Hữu Thư
- Một số khó khăn, vướng mắc khi thi hành bản án, quyết định kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng 67  
Cao Thị Kim Trinh
- Hoàn thiện Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng hoạt động của Học viện Tư pháp 72  
Vũ Thị Thu Hiền  
Vương Văn Hiền  
Phan Thị Hoa
- Luật Nhà giáo năm 2025 với đột phá thể chế trong quy định về chức danh nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và hướng áp dụng tại Học viện Tư pháp 80  
Tống Thị Thanh Thanh  
Lê Văn Anh

## ĐÀO TẠO - BỒI DƯỠNG

### CHÀO MỪNG 10 NĂM THÀNH LẬP KHOA ĐÀO TẠO CHUNG NGUỒN THẨM PHÁN, KIỂM SÁT VIÊN, LUẬT SƯ

- Khoa Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư - Hành trình 10 năm nhìn lại 85  
Lê Thị Thúy Nga  
Nguyễn Huyền Trang
- Đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư - Góc nhìn từ giảng viên 91  
Lê Thị Hồng Hạnh
- Đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư - Góc nhìn từ học viên 94  
Phạm Thị Hà Linh
- Triển vọng và giải pháp đổi mới hoạt động đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư tại Học viện Tư pháp 99  
Ngô Thị Ngọc Vân  
Phạm Thị Ngọc Thảo

## PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

- Nghề luật và đào tạo luật tại Cộng hòa liên bang Đức - Một số gợi mở cho đào tạo luật tại Việt Nam 105  
Nguyễn Minh Tuấn
- Đánh giá tác động về giới của chính sách trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam 111  
Lê Thị Hồng Hạnh  
Nguyễn Hoài Anh
- Trách nhiệm hình sự của các thực thể liên quan đến trí tuệ nhân tạo - Cách tiếp cận của một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam 116  
Lê Thị Diễm Hằng



# JUDICIAL ACADEMY

Legal Professions Review

Vol 10  
2025

## Editor in Chief

NGUYEN MINH HANG Assoc. Prof. Dr.

## Deputy Editor in Chief

DO THI THU HANG. Dr.

## Sub Editor

VU THI THU THUY. MA.

## Editorial Board

Nguyen Xuan Thu. Dr.

Nguyen Minh Hang, Assoc. Prof. Dr

Nguyen Truong Thiep MA.

Le Mai Anh. Dr.

Do Thi Thu Hang. Dr.

Tran Minh Tien. Dr.

Pham Thi Thuy Hong. Dr.

Le Thi Thuy Nga. Dr.

Vu Thi Thu Hien. Dr.

Bui Nguyen Phuong Le. Dr.

Ngo Thi Ngoc Van. Dr.

Dong Thi Kim Thoa. Dr.

Nguyen Thi Van Anh. Dr.

Vu Thi Thu Thuy. MA.

Le Thu Hang. Dr.

Le Hong Hanh. Prof. Dr

Vo Khanh Vinh. Prof. Dr

Vu Cong Giao. Prof. Dr

Hoang Van Nghia. Assoc. Prof. Dr

Bui Dang Hieu. Assoc. Prof. Dr

Le Lan Chi. Assoc. Prof. Dr

Nguyen Huu Chi. Assoc. Prof. Dr

Nguyen Van Cu. Assoc. Prof. Dr

Tran Van Do. Assoc. Prof. Dr

Nguyen Van Huyen. Assoc. Prof. Dr

Nguyen Van Cuong. Dr.

Doan Trung Kien. Dr.

Truong The Con. Dr.

Pham Thi Thuy Nga. Dr.

Tran Anh Tuan. Dr.

Nguyen Van Mich. Dr.

Tran Thi Hien. Dr.

Nguyen Thanh Phu. Dr.

Nguyen Thi Loc. Dr.

Van Thi Tam Hong. MA.

## Headquarters

9 Tran Vy

Phu Dien - Ha Noi

Tel: (024) 62873428 (1011-1036)

Email: ngheluathvtp@gmail.com

## Mock-up

Z176 Printing Factory

Operation Registration Certificate  
for printed Magazine No. 232/GP-BTTTT  
Dated May 20 2022

Printed at Z176 Printing Factory

# TABLE OF CONTENTS

Page

## LEGAL REFORM

- Ensuring the normativity of legal language in the 2013 Constitution of the Socialist Republic of Vietnam 1  
Phan Trung Hien
- Digital transformation and human rights 9  
Le Thi Hoang Minh

## RESEARCH AND DISCUSSION

- The development of Science, Technology Resources and Innovation - Institutional perspective, opportunities, challenges, international experience for Judicial Academy 15  
Nguyen Minh Hang  
Nguyen Mai Huong
- Alternative methods of resolving commercial disputes outside the courts in Vietnam – Orientations for refining law 23  
Tran Danh Phu
- Digital transformation in land administration: Situation and solutions 30  
Nguyen Xuan Tra
- Some issues related to the personal status of transgender people in the legal relationship of marriage and family 34  
Luu Ngoc Lien
- The right to lease in a land lease contract in the Land Law No. 2024 39  
Dang Huy Hoang
- Some recommendations on the personal income tax policy for real estate transfers 44  
Vu Thi Hoa  
Luong Van Tuan
- Refining law on cooperatives to meet demand of developing cooperative economy in the new situation 52  
Nguyen The Anh  
Nguyen Hong Son
- Building regional courts - Ensuring judicial independence in solving administrative cases 56  
Tran Thi Kim Oanh
- Law on relation between precedents and legal resources in solving cases in Vietnam - Situation and recommendations 61  
Nguyen Thi An Na  
Phan Huu Thu
- Some difficulties and obstacles in enforcing commercial business judgments and decisions on credit contract disputes 67  
Cao Thi Kim Trinh
- Perfecting the set of standards on internal quality self-assessment at the Judicial Academy 72  
Vu Thi Thu Hien  
Vuong Van Hien  
Phan Thi Hoa
- The 2025 Teachers Law with Institutional Breakthroughs in the Provisions on Teachers' Titles, Professional Standards for Teachers, and Its Application Orientation at the Judicial Academy 80  
Tong Thi Thanh Thanh  
Le Van Anh

## TRAINING - RETRAINING

### CELEBRATING THE 10TH ANNIVERSARY OF THE FACULTY OF INTEGRATED TRAINING FOR JUDGES, PROCURATORS, AND LAWYERS

- Faculty of jointly training future judges, prosecutors, lawyers - Journey of 10 years 85  
Le Thi Thuy Nga  
Nguyen Huyen Trang
- Jointly training future judges, prosecutors, lawyers - Lecturers' perspective 91  
Le Thi Hong Hanh
- Jointly training future judges, prosecutors, lawyers - Trainees' perspective 94  
Pham Thi Ha Linh
- Prospectives and solutions for innovating activity of Jointly training future judges, prosecutors, lawyers at Judicial Academy 99  
Ngo Thi Ngoc Van  
Pham Thi Ngoc Thao

## INTERNATIONAL LAW

- Legal profession and legal education in the Federal Republic of Germany - Some suggestions for Vietnam 105  
Nguyen Minh Tuan
- Gender impact assessment in the legislative process in some countries and experience for Vietnam 111  
Le Thi Hong Hanh  
Nguyen Hoai Anh
- Criminal liability of entities related to Artificial Intelligence - Approach of some countries and suggestions for Vietnam 116  
Le Thi Diem Hang



# PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI NGOÀI TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM - ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Trần Danh Phú<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung đánh giá thực trạng thi hành pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án (Alternative Dispute Resolution – ADR) ở Việt Nam, nhấn mạnh một số hạn chế đang cản trở sự phát triển của ADR. Kết quả nghiên cứu nhằm đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật giúp nâng cao hiệu quả các phương thức này trong thực tiễn áp dụng.

**Từ khóa:** Trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; phương thức kết hợp; thực trạng; giải pháp.  
 Nhận bài: 20/5/2025      Hoàn thành biên tập: 20/7/2025      Duyệt đăng: 23/10/2025

**Abstract:** This article focuses on assessing the current implementation of laws governing alternative methods of resolving commercial disputes outside the courts in Vietnam (Alternative Dispute Resolution – ADR). It highlights certain limitations that hinder the development of ADR and proposes several solutions aimed at improving the legal framework to enhance the effectiveness of these mechanisms in practice in Vietnam.

**Keywords:** Commercial arbitration; commercial mediation; hybrid methods; current situation; solutions.

Date of receipt: 20/5/2025      Date of revision: 20/7/2025      Date of approval: 23/10/2025

## Đặt vấn đề:

Các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, đặc biệt là trọng tài thương mại (TTTM) và hòa giải thương mại (HGTMT) ngày càng khẳng định vai trò là công cụ vừa góp phần giảm tải cho hệ thống tư pháp, vừa tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh trong đó có quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp. Dù vậy, trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật TTTM và HGTMT đã cho thấy các vấn đề cần thay đổi cả từ quy định pháp luật tới thực tiễn thi hành pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết đặt ra là xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại hiệu quả trong xu thế hội nhập và phát triển bền vững, phù hợp với chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước thời gian gần đây như Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

## 1. Những bất cập trong thi hành pháp luật về phương thức hòa giải thương mại và định hướng khắc phục

Hòa giải thương mại đã được Nhà nước chính thức ghi nhận tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại ngày 24/02/2017 (Nghị

định số 22/2017/NĐ-CP). Đây là văn bản pháp lý đầu tiên điều chỉnh toàn diện HGTM tại Việt Nam, đánh dấu bước chuyển quan trọng từ việc chỉ thừa nhận TTTM theo Luật TTTM năm 2010 sang mở rộng khung pháp lý bao quát cả cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế khác. Nghị định này quy định rõ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HGTM dựa trên các đặc trưng cơ bản như: tự nguyện tham gia, bảo đảm quyền tự định đoạt của các bên; tính linh hoạt, bảo mật; và sự lựa chọn giữa hình thức công khai hoặc không công khai. Trong thực tiễn thi hành các quy định trên còn có những bất cập thời gian tới cần tiếp tục phải hoàn thiện.

### 1.1. Quy định về thỏa thuận hòa giải

Trong thực tiễn HGTM, thỏa thuận hòa giải được xem xét như một loại hợp đồng giữa các bên liên quan. Về nguyên tắc, để thỏa thuận này có giá trị pháp lý thì cần phải tuân thủ các điều kiện về hiệu lực của hợp đồng theo Điều 117 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015. Tuy nhiên, xem xét dưới góc độ pháp luật chuyên ngành thì tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chưa quy định cụ thể các điều kiện để thỏa thuận hòa giải có hiệu lực, cũng như chưa xác định rõ các trường hợp làm cho thỏa thuận này không thể thực hiện được.

Mới đây Chính phủ có ban hành Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (Nghị định số 112/2025/NĐ-CP) trong đó có HGTM nhưng lại chưa có nội dung này, do vậy cần bổ sung các quy định chuyên biệt

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội, email: phutd1984@gmail.com



về điều kiện có hiệu lực và các trường hợp làm cho thỏa thuận hòa giải không thể thực hiện được trong hoạt động HGTM cần nghiên cứu và ghi nhận rõ những tình huống thực tiễn khiến thỏa thuận hòa giải không thể thực hiện, chẳng hạn: tổ chức hòa giải bị giải thể hoặc phá sản; hòa giải viên do các bên lựa chọn không thể tiến hành hòa giải vì lý do bất khả kháng; hoặc các trường hợp tương tự ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai thủ tục hòa giải. Đồng thời, cần ban hành hướng dẫn chi tiết về hình thức hợp lệ của thỏa thuận hòa giải (văn bản, ngôn ngữ, chữ ký điện tử...) và tiêu chí công nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận này, nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và khả thi trong thi hành.

### **1.2. Quy định về tiêu chuẩn đối với hòa giải viên thương mại**

Hiện nay, quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại tại Điều 7 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chỉ đơn giản là người có đủ các tiêu chí: Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của BLDS; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan; Có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên; Có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. Nghị định số 112/2025/NĐ-CP cũng chưa sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn hòa giải viên mà bổ sung các điểm mới về thủ tục đăng ký hòa giải viên. Quy định hiện hành tạo điều kiện cho nhiều cá nhân tham gia hoạt động HGTM, song lại thiếu cơ chế sàng lọc, dẫn đến chất lượng hòa giải viên không đồng đều.

Do đó, cần quy định tiêu chí rõ ràng, chi tiết nhằm xác định điều kiện cần thiết để một cá nhân được công nhận là hòa giải viên thương mại. trong đó cần có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức hòa giải hoặc cơ sở có chức năng tương tự. Đồng thời, phải hoàn thành các khóa đào tạo chuyên sâu về HGTM do cơ sở đào tạo được cấp phép cung cấp. Những tiêu chí này không chỉ giúp đảm bảo năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hành của hòa giải viên mà còn góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình hòa giải, thúc đẩy việc giải quyết tranh chấp giữa các bên một cách hiệu quả, nhanh chóng và thuyết phục hơn.

### **1.3. Quy định về chế độ bảo mật trong Hòa giải thương mại**

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chỉ có hai quy định liên quan tới bảo mật thông tin trong HGTM, trong đó khoản 2 Điều 4 về nguyên tắc giữ bí mật thông tin và điểm c khoản 2 Điều 9 về nghĩa vụ bảo vệ thông tin vụ việc của HGTM. Các quy định này mới chỉ dừng lại ở mức nguyên tắc và nghĩa vụ chung, chưa hình thành một cơ

chế bảo mật thông tin đầy đủ, bao quát toàn bộ quá trình từ khi tiếp nhận, xử lý vụ việc cho đến giai đoạn sau khi tranh chấp đã được giải quyết. Khoảng trống này tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ thông tin, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên và uy tín của phương thức HGTM. Để khắc phục hạn chế trên, cần thiết lập một hệ thống quy định rõ ràng, có thể dưới dạng một điều luật riêng hoặc một nhóm điều khoản chuyên biệt, nhằm đảm bảo tính bảo mật toàn diện đối với thông tin, tài liệu liên quan đến vụ tranh chấp.

Các quy định này cần được thiết kế theo ba cấp độ cụ thể:

*Một là*, bảo mật nội bộ giữa các bên tranh chấp; trong quá trình hòa giải, hòa giải viên có thể tổ chức các cuộc gặp riêng với từng bên nhằm tìm hiểu rõ hơn về quan điểm, lợi ích và đề xuất giải pháp. Trong trường hợp đó, thông tin mà một bên cung cấp sẽ không được tiết lộ cho bên còn lại nếu không có sự đồng ý. Trường hợp cần thiết, hòa giải viên có thể truyền đạt gián tiếp nội dung mang tính tổng quát nhằm thúc đẩy thỏa thuận, nhưng phải đi kèm với điều kiện giữ bí mật nghiêm ngặt từ bên tiếp nhận thông tin.

*Hai là*, bảo mật với bên thứ ba: cần có quy định ngăn chặn việc rò rỉ thông tin từ quá trình hòa giải ra bên ngoài như các doanh nghiệp khác, báo chí, hoặc công chúng. Điều này đặc biệt quan trọng trong các tranh chấp thương mại nhạy cảm có thể ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp, cổ đông hoặc khách hàng.

*Ba là*, bảo mật với cơ quan Nhà nước và các chủ thể đặc biệt: trong một số tình huống nhất định, nếu thông tin liên quan đến vụ hòa giải có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích công cộng, trật tự xã hội hoặc quyền lợi hợp pháp của bên thứ ba, pháp luật cần quy định rõ ngoại lệ cho phép tiết lộ thông tin, ngay cả khi các bên không đồng thuận. Bên cạnh đó, cần xác định rõ chủ thể có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm các bên có liên quan, hoặc tham gia trong quá trình hòa giải. Về phạm vi bảo mật, cần quy định cụ thể các loại thông tin cần được giữ kín, bao gồm: toàn bộ tài liệu, chứng cứ, nội dung trao đổi, biên bản họp, ý kiến đề xuất, giải pháp do bất kỳ bên nào đưa ra trong suốt quá trình hòa giải, kể cả trước, trong và sau khi kết thúc thủ tục hòa giải. Việc bảo mật phải được duy trì ngay cả khi hòa giải không thành công hoặc tranh chấp được đưa ra cơ chế giải quyết khác.

### **1.4. Quy định về phương thức hòa giải thương mại ở Việt Nam**

Quy định về phương thức HGTM ở Việt Nam hiện nay mới chỉ được ban hành dưới dạng Nghị



định thay vì được quy định bằng một đạo luật riêng dẫn tới nhiều hạn chế về hiệu lực pháp lý, phạm vi điều chỉnh và khả năng áp dụng thống nhất. Với tư cách là văn bản dưới luật, Nghị định có giá trị pháp lý thấp hơn so với Luật và dễ bị sửa đổi hoặc bãi bỏ bởi cơ quan hành pháp mà không cần trải qua quy trình lập pháp tại Quốc hội, do đó thiếu tính ổn định và khả năng dự đoán, ảnh hưởng tới niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư khi lựa chọn HGTM, đặc biệt là những vấn đề cần có cơ chế bảo đảm thi hành mang tính ràng buộc cao như liên thông giữa HGTM và trọng tài, chế tài xử lý vi phạm đạo đức nghề nghiệp của hòa giải viên hoặc cơ chế công nhận và thi hành kết quả hòa giải thành theo điều ước quốc tế. Do chưa được luật hóa, HGTM cũng chưa tạo ra sự ràng buộc mạnh mẽ đối với các cơ quan tư pháp trong việc phối hợp công nhận và thi hành kết quả hòa giải thành, đồng thời còn gặp khó khăn khi tích hợp, đồng bộ với các đạo luật khác như Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015), Luật TTTM năm 2010, Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2025 hay Luật Đầu tư năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Ở góc độ hội nhập, việc HGTM chỉ được điều chỉnh bằng Nghị định làm hạn chế khả năng tương thích với chuẩn mực quốc tế như Luật mẫu UNCITRAL về hòa giải thương mại quốc tế năm 2018 hoặc Singapore Mediation Act 2017, khiến Việt Nam kém hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư quốc tế khi lựa chọn địa điểm giải quyết tranh chấp<sup>2</sup>.

Để bảo đảm nền tảng pháp lý vững chắc, tính ổn định, tính toàn diện và vị thế quốc tế của HGTM, cần thiết phải nâng cấp Nghị định số 22/2017/NĐ-CP cùng với một số nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 112/2025/NĐ-CP thành một đạo luật riêng, tương tự mô hình đã được nhiều quốc gia áp dụng thành công.

## 2. Những bất cập trong thi hành pháp luật về phương thức trọng tài thương mại và định hướng khắc phục

Luật TTTM năm 2010, được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/6/2010 và có hiệu lực từ

ngày 01/01/2011, thay thế Pháp lệnh năm 2003, đồng thời thiết lập một nền tảng pháp lý có tính hệ thống và toàn diện hơn cho hoạt động trọng tài. Luật này đã thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó khuyến khích áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp như thương lượng, hòa giải và trọng tài. Với các quy định cụ thể về thẩm quyền, thủ tục, hiệu lực và thi hành phán quyết trọng tài, Luật TTTM năm 2010 đã đưa hoạt động trọng tài tại Việt Nam chuyển từ giai đoạn thí điểm sang giai đoạn pháp điển hóa chính thức và toàn diện. Đến nay sau gần 15 năm có hiệu lực thi hành, một số quy định của Luật TTTM cần tiếp tục phải hoàn thiện.

### 2.1. Quy định về thẩm quyền của trọng tài thương mại

Theo quy định tại Điều 2 Luật TTTM năm 2010, thẩm quyền của trọng tài bao gồm ba nhóm tranh chấp: (i) Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại giữa các bên; (ii) Tranh chấp trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại và (iii) Các tranh chấp khác được pháp luật cho phép giải quyết bằng trọng tài. Với phạm vi này, quyền tài phán của trọng tài đã được mở rộng theo hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn về giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống tư pháp nhà nước theo cách thức rõ ràng, minh bạch và có tính thống nhất. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, vẫn còn tồn tại sự thiếu thống nhất trong cách hiểu và vận dụng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt khi xác định thẩm quyền giữa trọng tài và Tòa án. Một ví dụ điển hình là quy định tại BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài liên quan đến quyền tài sản là bất động sản tại Việt Nam. Quy định này đã dẫn đến tình trạng một số vụ việc có cùng bản chất nhưng lại được các Tòa án xử lý theo những cách khác nhau, gây khó khăn cho các bên trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết<sup>3</sup>. Luật Đất đai năm 2024 ban hành đã có bước tiến mới trong việc điều

<sup>2</sup> Lê Hương Giang (2019), *Hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Luật án tiền sử Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 108.

<sup>3</sup> Tại Quyết định số 393/2017/QĐ-PQTT, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng việc cho thuê đất kèm theo cơ sở hạ tầng với mục đích sinh lợi là một hoạt động mang tính chất thương mại. Do các bên trong hợp đồng đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh, Tòa án nhận định rằng tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nằm trong phạm vi điều chỉnh của Điều 2 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, và việc Hội đồng Trọng tài tiến hành giải quyết là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, cũng với một vụ việc có tính chất tương tự, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội lại đưa ra kết luận ngược lại trong Quyết định số 03/2018/QĐ-PQTT ngày 11/07/2018. Trong vụ việc này, Tòa đã chấp thuận yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài, với lập luận rằng tranh chấp có liên quan đến bất động sản – là tài sản đặc thù – nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài mà thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 470 BLTTDS năm 2015.



chính các tranh chấp thương mại liên quan đến đất đai. Cụ thể, khoản 5 Điều 236 của Luật này xác định rõ rằng các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại có liên quan đến đất đai có thể được giải quyết tại Tòa án theo quy định của tố tụng dân sự hoặc thông qua TTTM theo quy định của Luật TTTM năm 2010. Tuy nhiên, để đảm bảo việc áp dụng thống nhất trên thực tiễn, rất cần có sự hướng dẫn cụ thể từ Tòa án nhân dân tối cao.

Khắc phục bất cập trong quy định về thẩm quyền của TTTM, Luật TTTM năm 2010 cần sửa đổi Điều 2 theo hướng xác định rõ thẩm quyền của TTTM. Khoản 3 và 4 Điều 2 này cũng cần được cụ thể hóa để khẳng định khả năng giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài và làm rõ tiêu chí xác định tranh chấp thuộc phạm vi áp dụng.

### 2.2. Quy định về hình thức trọng tài thương mại

Điều 3 Luật TTTM năm 2010 phân biệt trọng tài quy chế và trọng tài vụ việc dựa trên cơ sở tổ chức và quy tắc tổ tụng. Trọng tài quy chế là hình thức giải quyết tranh chấp tại một trung tâm trọng tài theo quy tắc của trung tâm đó, còn trọng tài vụ việc được tiến hành theo thủ tục do các bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên, quy định này chưa bao quát hết các tình huống thực tiễn, đặc biệt là các trường hợp thỏa thuận trọng tài lai<sup>4</sup> (*hybrid arbitration clause*). Ví dụ, nếu các bên chọn VIAC làm nơi giải quyết tranh chấp nhưng lại áp dụng Quy tắc tổ tụng UNCITRAL thì không rõ đây là trọng tài quy chế hay vụ việc, bởi UNCITRAL không phải là tổ chức trọng tài. Hoặc nếu các bên chọn UNCITRAL làm quy tắc và VIAC chỉ đóng vai trò chỉ định trọng tài viên, thì việc phân loại càng trở nên khó xác định, việc xác định rõ hình thức trọng tài có ý nghĩa quan trọng khi thi hành phán quyết. Ngoài ra, còn tồn tại sự không thống nhất trong các văn bản pháp luật. Luật Đầu tư năm 2020 và Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 mới đây được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 có liệt kê các hình thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài Trọng tài Việt Nam, Trọng tài nước ngoài, Trọng tài quốc tế, Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập. Trong khi đó, ranh giới giữa các loại trọng tài này không được làm rõ<sup>5</sup>. Thực tế, “trọng tài nước ngoài” và “trọng tài Việt Nam”

được phân biệt theo nơi ban hành phán quyết (liên quan đến thi hành theo Công ước New York), còn “trọng tài quốc tế” theo Luật mẫu UNCITRAL được xác định dựa trên yếu tố quốc tế của tranh chấp. Việc thiếu hướng dẫn thống nhất dẫn đến nhầm lẫn và khó khăn trong áp dụng.

Để khắc phục bất cập về hình thức của trọng tài thương mại, Luật TTTM cần được sửa đổi để làm rõ các hình thức trọng tài, tránh trùng lặp, mâu thuẫn và phản ánh chính xác thực tiễn hiện nay. Các luật chuyên ngành cần được sửa đổi để bảo đảm thống nhất với Luật TTTM. Cụ thể, Điều 14 Luật Đầu tư năm 2020 nên được chỉnh lý để ghi nhận rõ các tranh chấp giữa nhà đầu tư và cơ quan nhà nước hoặc giữa các nhà đầu tư đều có thể được giải quyết bằng TTTM nếu có thỏa thuận hợp lệ. Ngoài ra cũng tại Điều 14, Luật Đầu tư năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 97 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2025 cần sử dụng thuật ngữ chính xác về “trọng tài nước ngoài”, “trọng tài quốc tế” và “trọng tài Việt Nam”.

### 2.3. Quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời và cơ chế trọng tài viên khẩn cấp trong tố tụng trọng tài

**Thứ nhất**, về thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT), Điều 49 Luật TTTM năm 2010 quy định Hội đồng trọng tài có quyền áp dụng các biện pháp này để bảo vệ quyền lợi các bên tranh chấp, nhưng lại chỉ cho phép thực hiện sau khi Hội đồng trọng tài đã được thành lập chính thức. Quy định này dẫn đến việc áp dụng BPKCTT bị chậm trễ, bởi thực tế việc thành lập Hội đồng trọng tài theo Điều 40 và 41 Luật TTTM năm 2010 thường kéo dài và gặp nhiều khó khăn trong trường hợp một bên cố tình trì hoãn hoặc bất hợp tác. Điều này làm suy giảm đáng kể tính hiệu quả và cấp thiết vốn là đặc trưng của BPKCTT.

**Thứ hai**, phạm vi các biện pháp khẩn cấp được phép áp dụng cũng có nhiều hạn chế. Theo khoản 2 Điều 49, Luật TTTM năm 2010, các biện pháp được giới hạn như cấm thay đổi hiện trạng tài sản, phong tỏa tài khoản ngân hàng hay bảo toàn chứng cứ. Việc quy định cụ thể một danh mục giới hạn như vậy đã vô hình chung

<sup>4</sup> Trọng tài lai là trọng tài các bên lựa chọn một trọng tài, cụ thể để quản lý thủ tục nhưng lại áp dụng quy tắc tổ tụng của trung tâm trọng tài khác.

<sup>5</sup> Trần Thị Thúy (2014), *Giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, tr. 45.



làm giảm đi tính linh hoạt của trọng tài trong việc đối phó với các tình huống tranh chấp đa dạng và phức tạp, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại quốc tế. So với kinh nghiệm quốc tế, nhiều trung tâm trọng tài lớn trên thế giới hiện nay đều cho phép các trọng tài viên linh hoạt lựa chọn các biện pháp phù hợp với từng tình huống cụ thể, thay vì giới hạn vào một số biện pháp nhất định.

**Thứ ba**, hiện nay pháp luật Việt Nam chưa ghi nhận cơ chế trọng tài viên khẩn cấp (*Emergency Arbitrator*), vốn là một thiết chế được sử dụng phổ biến tại nhiều trung tâm trọng tài quốc tế như ICC, SIAC hay HKIAC<sup>6</sup>. Cơ chế này cho phép một trọng tài viên đặc biệt được chỉ định ngay lập tức để áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời ngay khi tranh chấp phát sinh, trước khi Hội đồng trọng tài được thành lập chính thức. Không có quy định trọng tài viên khẩn cấp trong hệ thống pháp luật trọng tài của Việt Nam khiến các bên tranh chấp gặp nhiều bất lợi khi muốn bảo vệ quyền lợi của mình trong giai đoạn tiền tố tụng<sup>7</sup>.

Để khắc phục bất cập trong các quy định về BPKCTT và cơ chế trọng tài viên khẩn cấp trong tố tụng trọng tài, cần luật hóa cơ chế trọng tài viên khẩn cấp để phù hợp với thực tế. Trọng tài viên khẩn cấp là người được chỉ định để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp phát sinh trước khi Hội đồng trọng tài được thành lập. Việc bổ sung cơ chế này vào Luật TTTM sẽ giúp lấp khoảng trống pháp lý hiện nay, tăng tính linh hoạt và phản ứng kịp thời với các yêu cầu bảo vệ quyền lợi cấp bách của các bên tranh chấp<sup>8</sup>. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc áp dụng mô hình trọng tài viên khẩn cấp không chỉ giúp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền lợi các bên tranh chấp mà còn củng cố vị thế của trung tâm trọng tài quốc gia trên trường quốc tế. Tại Singapore, Thụy Sĩ hay theo Quy tắc trọng tài ICC 2021, trọng tài viên khẩn cấp đã trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống giải quyết tranh chấp khẩn cấp. Do đó, việc tiếp thu và nội luật hóa phù hợp với điều kiện pháp lý Việt Nam là bước đi tất yếu nhằm hiện đại hóa cơ chế TTTM<sup>9</sup>.

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng cần bổ sung cụ thể điều kiện, trình tự thủ tục và thẩm quyền thi hành các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài hoặc trọng tài viên khẩn cấp. Đặc biệt, cần ghi nhận rõ ràng hiệu lực bắt buộc và cơ chế cưỡng chế thi hành các quyết định này tương tự như phán quyết trọng tài.

#### 2.4. Quy định về hủy phán quyết trọng tài thương mại

Theo quy định tại Điều 68 Luật TTTM năm 2010, các căn cứ để hủy phán quyết trọng tài được chia thành hai nhóm chính: Các vi phạm liên quan đến thủ tục tố tụng (các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 68) và trường hợp phán quyết trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (điểm đ khoản 2). Trên cơ sở này, Tòa án chỉ có quyền tuyên hủy phán quyết trong các trường hợp có vi phạm về thủ tục hoặc vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc pháp luật, nhưng không được phép xét lại nội dung vụ việc hoặc đánh giá cách áp dụng pháp luật của Hội đồng trọng tài. Một vướng mắc thực tiễn là việc Tòa án có nên cân nhắc mọi sai sót thủ tục hay chỉ xem xét các vi phạm thực sự ảnh hưởng đến kết quả giải quyết tranh chấp, bởi nếu coi các lỗi nhỏ là căn cứ hủy phán quyết sẽ làm giảm hiệu lực và tính tối ưu của cơ chế trọng tài. Nhằm khắc phục vấn đề này, Luật TTTM năm 2010 đã cho phép Hội đồng trọng tài khắc phục sai sót thủ tục theo yêu cầu của Tòa án, thể hiện tinh thần tôn trọng thỏa thuận trọng tài và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về phạm vi sửa chữa của trọng tài và quyền chủ động của họ, dẫn đến việc Tòa án vẫn giữ vai trò quyết định cuối cùng, đôi khi can thiệp sâu vào tố tụng trọng tài. Trên thực tế, có tình trạng các Tòa án hủy phán quyết toàn bộ dù chỉ có một phần nội dung bị coi là vượt thẩm quyền, mà không làm rõ lý do, không đánh giá đúng ranh giới giữa nội dung nằm trong hay ngoài yêu cầu khởi kiện. Hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của

<sup>6</sup> Dương Quỳnh Hoa (2015), *Cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế đối với các quan hệ thương mại ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 154.

<sup>7</sup> American Arbitration Association, *AAA Qualification Criteria for Arbitrators*, [https://www.adr.org/sites/default/files/document\\_repository/Qualification\\_Criteria\\_for\\_Admittance\\_to\\_the\\_AAA\\_National\\_Roster\\_of\\_Arbitrators.pdf](https://www.adr.org/sites/default/files/document_repository/Qualification_Criteria_for_Admittance_to_the_AAA_National_Roster_of_Arbitrators.pdf), truy cập ngày 10/7/2025.

<sup>8</sup> Phạm Minh Thy Vân, Lê Thị Bích Thùy (2024), *Trọng tài viên khẩn cấp theo quy định của pháp luật thế giới và đề xuất cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>9</sup> ICC Arbitration Rules 2021, Article 29; SIAC Rules 2016, Schedule 1; UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration 2006, Article 17.



Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 20/3/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật TTTM. tại điểm c khoản 2 Điều 14 có quy định chỉ hủy một phần phán quyết nếu phần đó có thể tách biệt, tuy hợp lý về nguyên tắc nhưng lại trao quyền đánh giá duy nhất cho Tòa án mà không tham khảo ý kiến Hội đồng trọng tài, dẫn đến xu hướng có thể Tòa án hủy toàn bộ phán quyết. Thêm vào đó, cơ sở pháp lý của việc hủy phán quyết trọng tài được quy định tại Điều 68 Luật TTTM năm 2010 còn chưa rõ ràng và thiếu cụ thể. Chẳng hạn, khoản 2 quy định căn cứ “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Tuy nhiên, nội dung các nguyên tắc cơ bản này chưa được làm rõ một cách tường minh, dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, đôi khi tạo ra các quyết định trái chiều từ các tòa án khác nhau. Sự thiếu rõ ràng này không chỉ gây khó khăn cho các bên tranh chấp trong việc dự liệu kết quả mà còn tiềm ẩn nguy cơ lạm dụng việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, làm suy yếu tính hiệu quả và tính ổn định của phán quyết trọng tài.

Để khắc phục bất cập về hủy phán quyết trọng tài, pháp luật TTTM cần được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa phạm vi can thiệp của Tòa án, làm rõ giới hạn đánh giá của cơ quan xét xử, đồng thời bảo đảm vai trò hỗ trợ, không thay thế, của tòa án trong kiểm soát trọng tài. Quan trọng hơn, việc khẳng định và bảo vệ quyền tự do thỏa thuận của các bên và vai trò tài phán độc lập của trọng tài là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực của phán quyết trọng tài và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

### **3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật để nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp của trọng tài và hòa giải thương mại**

#### **3.1. Xây dựng mô hình kết hợp trong hệ thống pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án hiện hành**

Trong thực tiễn quốc tế, để tận dụng ưu điểm của từng phương thức ngoài tòa án và khắc phục những hạn chế của việc áp dụng đơn lẻ, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình giải quyết tranh

chấp mang tính kết hợp như Hòa giải – Trọng tài (Med – Arb); Trọng tài – Hòa giải – Trọng tài (Arb – Med – Arb)<sup>10</sup>... Pháp luật Singapore quy định về kết hợp hòa giải - trọng tài được thể hiện qua một số điều khoản quan trọng trong Luật Hòa giải Singapore (Singapore Mediation Act 2017<sup>11</sup>). Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore (Singapore International Commercial Court - SIMC) và Tòa Trọng tài Quốc tế Thâm Quyển (Shenzhen Court of International Arbitration - SCIA) đã hợp tác thiết lập *Quy trình Hòa giải – Trọng tài SIMC-SCIA* (gọi tắt là “MA Protocol”)<sup>12</sup>, nhằm cho phép ghi nhận bất kỳ thỏa thuận hòa giải nào đạt được tại SIMC dưới hình thức một phán quyết trọng tài của SCIA. Nếu tranh chấp được hòa giải thành công tại SIMC, với sự đồng thuận của tất cả các bên, bất kỳ bên nào tham gia hòa giải đều có thể nộp đơn lên SCIA theo Quy trình MA để yêu cầu ghi nhận thỏa thuận hòa giải thành phán quyết trọng tài của SCIA<sup>13</sup>. Theo Quy trình Arb-Med-Arb của SIAC-SIMC, trọng tài viên và hòa giải viên sẽ được SIAC và SIMC bổ nhiệm riêng biệt và độc lập theo quy tắc trọng tài và hòa giải tương ứng của từng trung tâm. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trọng tài viên và hòa giải viên thường sẽ là những người khác nhau<sup>14</sup>. Thỏa thuận hòa giải đạt được trong quy trình Arb-Med-Arb có thể được ghi nhận thành phán quyết thuận tình. Phán quyết này được công nhận là phán quyết trọng tài và tùy thuộc vào luật pháp và yêu cầu địa phương, có thể được thi hành tại khoảng 160 quốc gia theo Công ước New York. Như vậy, các bên có thể đạt được phán quyết mang tính chung thẩm thông qua cả hòa giải lẫn trọng tài<sup>15</sup>.

Để học tập kinh nghiệm quốc tế, phối hợp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại lựa chọn, cần sửa đổi, bổ sung Luật TTTM năm 2010 và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về HGTM, theo hướng quy định rõ ràng về khả năng kết hợp giữa hai phương thức hòa giải và trọng tài. Các bên trong quan hệ tranh chấp được quyền thỏa thuận chuyển đổi từ hòa giải sang trọng tài hoặc ngược lại tại bất kỳ thời điểm nào trước khi có phán quyết, với điều kiện có sự

<sup>10</sup> Jacqueline Nolan-Haley (2012), *Mediation: The “New Arbitration”*, Harvard Negotiation Law Review Vol. 17.

<sup>11</sup> Luật Hòa giải Singapore 2017, <https://sso.agc.gov.sg/Act/MA2017#pr8->, truy cập ngày 02/7/2025.

<sup>12</sup> The SIMC-SCIA Med-Arb Protocol, [https://simc.com.sg/sites/default/files/content-files/Protocols/SIMC-SCIA%20MA%20Protocol%20\(Final\).pdf](https://simc.com.sg/sites/default/files/content-files/Protocols/SIMC-SCIA%20MA%20Protocol%20(Final).pdf), truy cập ngày 02/7/2025.

<sup>13</sup> <https://simc.com.sg/med-arb>, truy cập ngày 30/7/2025.

<sup>14</sup> <https://simc.com.sg/arb-med-arb>, truy cập ngày 20/7/2025.

<sup>15</sup> <https://simc.com.sg/arb-med-arb>, truy cập ngày 12/9/2025.



đồng thuận của các bên. Đồng thời, cần ghi nhận hiệu lực pháp lý của thỏa thuận hòa giải thành khi được chuyển hóa thành phán quyết trọng tài (consent award) theo yêu cầu của các bên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành trên phạm vi quốc tế theo Công ước New York năm 1958. Bên cạnh đó, cần quy định rõ thủ tục và điều kiện để Hội đồng trọng tài tạm dừng tổ tụng, chuyển sang giai đoạn hòa giải, và tiếp tục xét xử nếu hòa giải không thành. Trường hợp hòa giải thành, Hội đồng trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết theo nội dung thỏa thuận đạt được. Quy định này cần được cụ thể hóa bằng hướng dẫn chi tiết về trình tự, biểu mẫu và thời hạn áp dụng để bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

### **3.2. Nghiên cứu xây dựng quy định tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với trọng tài viên và hòa giải viên thương mại chuyên nghiệp và chất lượng**

Bên cạnh quy định về tiêu chuẩn, các thủ tục để trở thành trọng tài viên, hòa giải viên thương mại theo quy định tại Luật TTTM năm 2010, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại và Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025. Theo quan điểm của tác giả, xu hướng tương lai nên nghiên cứu xây dựng các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ trọng tài viên thương mại, hòa giải viên thương mại theo hướng thật sự chuyên nghiệp, bài bản, để sau khi được đào tạo trọng tài viên, hòa giải viên thương mại đảm bảo có năng lực giải quyết mọi tranh chấp thương mại, đặc biệt là các tranh chấp thương mại quốc tế thông qua các lớp đào tạo nghề. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cũng nghiên cứu giao cho các đơn vị có uy tín, có thương hiệu tổ chức đã có kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp ví dụ như: Học viện Tư pháp, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc các đơn vị có đủ điều kiện theo quy định. Thực tế thời gian vừa qua Học viện Tư pháp (năm 2020 Học viện Tư pháp ban hành liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải thương mại); Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc VIAC, Viện Nghiên cứu pháp luật phía nam hay Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp phối hợp với Trung tâm trọng tài thương mại HTA cũng đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực trọng tài thương mại, hòa giải

thương mại và cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cho người học, nhưng cần phải tiếp tục nghiên cứu hướng đến đào tạo nghề trước khi cấp chứng chỉ cho các chủ thể trên.

#### **Kết luận:**

Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án đã phát triển từ nền tảng đồng thuận cộng đồng thành một bộ phận thiết yếu của hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại. Ở Việt Nam, tiến trình pháp điển hóa từ Pháp lệnh TTTM năm 2003, Luật TTTM năm 2010 đến Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã định hình vai trò trung tâm của trọng tài và hòa giải thương mại. Tuy nhiên, hiệu quả áp dụng của các phương thức này vẫn hạn chế do khuôn khổ pháp lý chưa hoàn thiện. Do đó, cần ban hành Luật về HGTM, sửa đổi, bổ sung Luật TTTM năm 2010 để minh định thẩm quyền, hoàn thiện cơ chế biện pháp khẩn cấp tạm thời và trọng tài viên khẩn cấp, giới hạn hợp lý sự can thiệp của Tòa án, đồng thời quy định về mô hình kết hợp các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án nhằm tăng tính dự đoán, khả năng thi hành và sức hấp dẫn của hệ sinh thái ADR./

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đoàn Trung Kiên - Chủ nhiệm (2019), *Pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Tư pháp, Hà Nội.
2. Đoàn Trung Kiên - Chủ nhiệm (2020), *Pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài – Thực trạng và hướng hoàn thiện*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Tư pháp, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”*, Hà Nội.
4. Lê Thị Hoàng Thanh (2016), *Chuyên đề “Hoàn thiện cơ chế hòa giải ở Việt Nam, bài học từ kinh nghiệm các nước”*, Thông tin Khoa học pháp lý, Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, (Số 9&10).
5. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, *Hòa giải bên cạnh Tòa án*, <http://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/hoa-giai-ben-canh-toa-an>, truy cập ngày 15/3/2024.
6. Lê Hương Giang (2019), *Hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Luật án tiền sử Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.





# TẠP CHÍ Khoa học Kiểm sát

JOURNAL OF PROCURATORATE STUDIES

ISSN 2354-063X



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT**  
VIETNAM PROCURATORATE UNIVERSITY

Số 10 (94)

2025





## MỤC LỤC

### CÔNG TÁC KIỂM SÁT

NGUYỄN XUÂN HƯỜNG	Một số định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn phát triển mới	3
-------------------	--	---

### NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

VÕ KHÁNH VINH	Những vấn đề lý luận cơ bản về thể chế	11
TRINH TIẾN VIỆT TRẦN THỊ QUỲNH	Hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam: Thực trạng và các định hướng tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn tới	20
LÊ BÁ ĐỨC ĐINH VĂN ĐOÀN	Xử lý vật chứng trong các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	30
KHÚC THỊ PHƯƠNG NHUNG	Đối tượng, hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 và vấn đề triển khai thực thi	37
THÂN VĂN TÀI	Hoàn thiện quy định về xử lý kết quả đấu giá quyền sử dụng đất khi người trúng đấu giá không thanh toán và khi hợp đồng dịch vụ đấu giá bị hủy bỏ	45
TRẦN THỊ DIỆU HƯƠNG	Địa vị pháp lý của đại lý bảo hiểm trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	51
TRẦN DANH PHÚ	Lựa chọn giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án trong thời đại mới ở Việt Nam	58

### THÔNG TIN KHOA HỌC

NGUYỄN ĐỨC TÂM LÊ KHÁNH KIỀU MY	Quy định pháp luật Liên bang Nga về thủ tục nhận tội - Kinh nghiệm cho Việt Nam	65
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Phương pháp định giá động vật hoang dã trong giải quyết vụ án hình sự ở Trung Quốc và kinh nghiệm cho Việt Nam	72
NGUYỄN MAI ANH	Giáo dục về quyền con người tại Việt Nam: Kinh nghiệm từ Hàn Quốc và một số đề xuất	79





## INDEX

### PROCURATORIAL ACTIVITIES

NGUYEN XUAN HUONG	Some orientations for innovation in the organization and operation of the People's Procuracy in the new development period	3
-------------------	--	---

### RESEARCH – OPINION EXCHANGE

VO KHANH VINH	Basic theoretical issues on institutions	11
TRINH TIEN VIET TRAN THI QUYNH	The Vietnamese criminal law system: Current situation and orientations for further improvement in the coming period	20
LE BA DUC DINH VAN DOAN	Handling of exhibits in cases of violation of regulations on protection of wildlife and endangered, precious and rare animals according to Vietnamese criminal procedure law	30
KHUC THI PHUONG NHUNG	Eligible entities and preferential regimes for Vietnamese small and medium enterprises under the 2025 Corporate Income Tax Law and issues in implementation	37
THAN VAN TAI	Completing the regulations on handling land use rights auctions results when the auction winner does not pay and when the auction services contract is canceled	45
TRAN THI DIEU HUONG	The legal status of insurance agents in life insurance business	51
TRAN DANH PHU	Choosing alternative dispute resolution for commercial disputes in the new era in Vietnam	58

### SCIENTIFIC INFORMATION

NGUYEN DUC TAM LE KHANH KIEU MY	Legal regulations of the Russian Federation on plea bargaining procedures - Experiences for Vietnam	65
NGUYEN PHUONG THAO	Methods of wildlife valuation in criminal cases in China and experiences for Vietnam	72
NGUYEN MAI ANH	Human rights education in Vietnam: Lessons from South Korea and some recommendations	79



# LỰA CHỌN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI NGOÀI TÒA ÁN TRONG THỜI ĐẠI MỚI Ở VIỆT NAM

TRẦN DANH PHÚ\*

*Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự vận động phức tạp của các quan hệ thương mại toàn cầu, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án (một số quốc gia trên thế giới gọi là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại lựa chọn - ADR) ngày càng khẳng định vai trò thiết yếu tại Việt Nam. Trong bối cảnh "kỷ nguyên bứt phá" – giai đoạn mà Việt Nam hướng tới tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, giải phóng nguồn lực và xây dựng nền kinh tế số, kinh tế xanh – việc ưu tiên các phương thức ADR như thương lượng, hòa giải và trọng tài là tất yếu khách quan. Các phương thức này không chỉ khắc phục những hạn chế cố hữu của hệ thống tư pháp truyền thống (quá tải, chậm trễ, chi phí cao, thiếu bảo mật) mà còn phù hợp với văn hóa trọng hòa khí của người Việt, đồng thời đáp ứng yêu cầu linh hoạt, hiệu quả và có khả năng thi hành quốc tế, qua đó củng cố niềm tin, thúc đẩy đầu tư và hội nhập kinh tế bền vững.*

*Từ khoá: Giải quyết tranh chấp thương mại; ngoài Tòa án; ADR*

*Ngày nhận bài: 15/9/2025; Biên tập xong: 30/9/2025; Duyệt đăng: 23/10/2025*

## CHOOSING ALTERNATIVE DISPUTE RESOLUTION FOR COMMERCIAL DISPUTES IN THE NEW ERA IN VIETNAM

**Abstract:** In the context of deep international economic integration and the complex dynamics of global trade relations, Alternative Dispute Resolutions (ADR) are increasingly asserting their essential role in Vietnam. In the 'Breakthrough Era' – a period where Vietnam aims to remove institutional bottlenecks, unleash resources, and build a digital economy and green economy – prioritizing ADR methods such as negotiation, mediation, and arbitration is an objective necessity. These methods not only overcome the inherent limitations of the traditional judicial system (overcrowding, delays, high costs, lack of confidentiality) but also align with the Vietnamese harmony-oriented culture, while meeting demands for flexibility, efficiency, and international enforceability, thereby reinforcing trust, promoting investment, and fostering sustainable economic integration.

**Keywords:** Commercial dispute resolution; out-of-court; Alternative Dispute Resolutions

**Received:** Sep 15, 2025; **Editing completed:** Sep 30, 2025; **Accepted for publication:** Oct 23, 2025

### Đặt vấn đề

Trong một thế giới đang chứng kiến sự biến động không ngừng của kinh tế - chính trị toàn cầu, các quan hệ kinh tế quốc tế và trong nước ngày càng trở nên phức tạp, kéo theo đó là sự gia tăng của các tranh chấp thương mại với nhiều rủi ro mang tính hệ thống. Khi có tranh chấp thương mại, các bên sẽ cân nhắc lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, các phương thức đó có thể là Tòa án, trọng tài, hoà giải hoặc thương lượng trực tiếp. Trước đây, khi đề cập đến giải quyết tranh chấp, đặc biệt là tranh chấp thương mại, người ta thường nghĩ ngay đến Tòa án – thiết chế nhà nước mang tính quyền lực và cưỡng chế. Hiện nay, trong bối cảnh kinh tế ngày càng phát triển, khi giải quyết tranh chấp thương mại thì các chủ thể đã quan tâm hơn đến các phương thức ADR để giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng chứ không chỉ với quan niệm Tòa án là phương thức lựa chọn tốt nhất trong mọi trường hợp tranh chấp. Khi

một phương thức được gọi là “thay thế”, câu hỏi hiển nhiên được đặt ra là: “thay thế cho cái gì?”. Nếu “phương thức giải quyết tranh chấp thay thế” được thiết lập như một “sự thay thế” cho thủ tục thông thường của Tòa án, một phần của hệ thống tư pháp xây dựng và vận hành bởi Nhà nước<sup>1</sup> thì sẽ giảm tải cho hệ thống giải quyết tranh chấp công. Tuy nhiên, theo dòng lịch sử, các phương thức ADR như thương lượng, hòa giải, trọng tài đã ra đời từ sớm. Trong thời kỳ tiền sử, khi chưa hình thành Nhà nước, các xung đột chủ yếu được giải quyết thông qua thương lượng trực tiếp hoặc hòa giải do người có uy tín thực hiện. Khi xã hội phát triển và Nhà nước hình thành, pháp luật thành văn và thiết chế xét xử ra đời, nhiều hệ thống vẫn công nhận các hình thức hòa giải sơ bộ, trong đó có hoạt động thương mại.

\* Email: Phutd@1984@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Luật Hà Nội

<sup>1</sup> Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC & Alan Redfern, Martin Hunter, Alan Redfern, Martin Hunter – *Trọng tài quốc tế (ấn bản lần thứ 6)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2018, tr. 56.



Việt Nam, với nền kinh tế có độ mở thương mại vượt 200% GDP, nằm trong nhóm các nền kinh tế hội nhập sâu nhất thế giới. Điều này thể hiện mức độ phụ thuộc cao vào hệ thống quy chuẩn, thiết chế và xu hướng pháp lý toàn cầu<sup>2</sup>, các tranh chấp thương mại phát sinh từ hoạt động tìm kiếm lợi nhuận của thương nhân ngày càng đa dạng, từ mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, đến xúc tiến thương mại. Trong bối cảnh này, việc hoàn thiện một khuôn khổ pháp lý đa dạng và hiệu quả cho giải quyết tranh chấp thương mại trở thành một yêu cầu cấp bách, không chỉ nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp mà còn góp phần củng cố môi trường đầu tư, kinh doanh của quốc gia. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật Việt Nam đã từng bước ghi nhận và phát triển các phương thức ADR. Từ những quy định sơ khai trong Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế năm 1989 đến các đạo luật chuyên ngành như Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP) đã giúp cho vai trò của ADR ngày càng được khẳng định.

Tuy nhiên, dù có những bước tiến đáng kể, pháp luật về các phương thức ADR ở Việt Nam vẫn còn những khoảng trống và hạn chế, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn hiện nay, việc giải quyết tranh chấp thương mại nhanh chóng, hiệu quả là một yếu tố then chốt. Thiết chế trọng tài và hòa giải, nếu được phát huy đúng mức, sẽ góp phần giảm tải áp lực cho Tòa án, củng cố nền tảng pháp quyền và tạo ra một không gian pháp lý linh hoạt, thân thiện với doanh nghiệp. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật pháp lý mà còn là công cụ chiến lược giúp doanh nghiệp Việt Nam điều hướng rủi ro, chủ động ứng phó trong môi trường toàn cầu đang biến đổi sâu sắc, đồng thời tạo dựng niềm tin cho các đối tác quốc tế. Do đó, bài viết phân tích lựa chọn các phương thức ADR trên thế giới và tại Việt Nam trong thời gian qua, đồng thời nhận diện và luận giải về xu hướng tất yếu của việc ưu tiên các phương thức này trong thời đại vươn mình của Việt Nam.

<sup>2</sup> Thế Hoàng (2025), *Việt Nam trong top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại*, <https://baodautu.vn/viet-nam-trong-top-20-nen-kinh-te-hang-dau-ve-thuong-mai-d275365.html>, truy cập 15/8/2025.

## 1. Xu hướng lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án ở các nước trên thế giới và Việt Nam trong thời gian qua

### 1.1. Xu hướng lựa chọn phương thức ADR trên thế giới

Trên thế giới, xu hướng sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài khuôn khổ tổ tụng Tòa án dần trở nên phổ biến. Các tập đoàn lớn tại Mỹ, như các doanh nghiệp trong danh sách Fortune 1000, ngày càng tránh Tòa án do chi phí, thời gian, rủi ro và tính công khai; họ ưu tiên các giải pháp ngoài Tòa án như trọng tài và hòa giải<sup>3</sup>. Các phương thức ADR mang bản chất đối lập với hệ thống chính thức, pháp lý (Tòa án), dựa trên quyền tự do định đoạt của các bên.

*Thứ nhất, đối với phương thức trọng tài thương mại:* Trọng tài được xem là một thiết chế pháp lý có tính chuẩn mực toàn cầu, thay vì chỉ là một phương án thay thế cho Tòa án quốc gia. Trọng tài về bản chất là cơ chế tự nguyện, trung lập, hiệu quả và có giá trị toàn cầu về khả năng áp dụng, các bên có quyền tự do lựa chọn luật điều chỉnh hợp đồng, địa điểm giải quyết tranh chấp, ngôn ngữ và tiêu chí lựa chọn trọng tài viên – những yếu tố quyết định trong việc kiểm soát rủi ro pháp lý. Nhờ Công ước New York năm 1958, phán quyết trọng tài có thể được thi hành tại hơn 170 quốc gia mà không cần thông qua cơ chế công nhận từ nước ngoài, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm thiểu rủi ro thi hành. Trên bình diện quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế vẫn là cơ chế được ưa chuộng nhất. Theo khảo sát quốc tế của Queen Mary University of London năm 2025, có tới 87% người sử dụng ưu tiên trọng tài quốc tế để giải quyết tranh chấp, trong đó 48% lựa chọn kết hợp trọng tài với các phương thức ADR khác<sup>4</sup>. Trong năm 2024, ICC ghi nhận tổng giá trị các tranh chấp lên tới 354 tỷ USD, với hơn 831 vụ mới<sup>5</sup>; SIAC ghi nhận 625 vụ mới, trong đó 91% có yếu tố quốc tế<sup>6</sup>;

<sup>3</sup> Thomas J. Stipanowich et al. (2013), *What Does the Fortune 1,000 Survey on Mediation, Arbitration and Conflict Management Portend for International Mediation?*, <https://mediate.com/what-does-the-fortune-1000-survey-on-mediation-arbitration-and-conflict-management-portend-for-international-arbitration/>, truy cập ngày 14/9/2025.

<sup>4</sup> The Path Forward (2025), *White & Case & Queen Mary University of London, 2025 International Arbitration Survey*, <https://www.qmul.ac.uk/arbitration/media/arbitration/docs/White-Case-QMUL-2025-International-Arbitration-Survey-report.pdf>, truy cập ngày 12/9/2025.

<sup>5</sup> ICC Dispute Resolution Statistics 2024, <https://iccwbo.org/news-publications/news/icc-dispute-resolution-statistics-2024>, truy cập ngày 12/9/2025.

<sup>6</sup> SIAC Annual Report 2024, <https://www.pinsentmasons.com/out-law/news/siac-reveal-steady-caseload-and-wider-international-reach>, truy cập ngày 12/9/2025.



HKAC cũng đạt con số kỷ lục với 352 vụ trọng tài<sup>7</sup>; LCIA báo cáo 362 vụ, 95% có yếu tố quốc tế<sup>8</sup>. Những con số này cho thấy trọng tài vẫn giữ vị trí trung tâm trong ADR quốc tế bởi khả năng thi hành hiệu quả trên phạm vi toàn cầu. Quá trình giải quyết tranh chấp không được công khai như tại Tòa án giúp bảo vệ các thông tin nhạy cảm về tài chính, kỹ thuật, chiến lược kinh doanh hoặc các mối quan hệ thương mại. Trọng tài thể hiện tính thích nghi cao với những mô hình kinh doanh mới và nhu cầu bảo vệ lợi ích trong các quan hệ hợp tác đa dạng, phức tạp, bao gồm cả các tranh chấp về quyền tài sản, sở hữu trí tuệ và những vấn đề phức tạp liên quan đến công nghệ. Mặc dù tỷ lệ này có thể khác nhau giữa các quốc gia nhưng xu hướng chung là gia tăng. Ví dụ, tại Nhật Bản, người dân và giới kinh doanh thường tránh đưa vụ việc ra Tòa án mà thiên về lựa chọn hòa giải hoặc thỏa thuận trực tiếp.

*Thứ hai, phương thức hòa giải thương mại:* Phương thức hòa giải cũng được ưa chuộng rộng rãi nhờ tính chất “không đối đầu” và khả năng duy trì mối quan hệ hợp tác giữa các bên. Hòa giải thương mại đang trở thành phương thức được ưu tiên ở nhiều quốc gia nhờ chi phí thấp, hiệu quả và bảo mật. Tại Anh, theo CEDR, năm 2022 có khoảng 17.000 vụ hòa giải, tỷ lệ thành công đạt 92% và 64% được thực hiện trực tuyến<sup>9</sup>. Sự kiện Công ước Singapore về Hòa giải với 59 quốc gia ký kết và 19 quốc gia phê chuẩn đã tạo hành lang pháp lý quốc tế<sup>10</sup>. Lý do là hòa giải giúp các bên tiết kiệm chi phí và thời gian nhờ quy trình đơn giản, không ràng buộc bởi thủ tục tố tụng phức tạp, phương thức này mang tính chất xây dựng, hỗ trợ duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các bên - yếu tố thường bị tổn hại trong quá trình kiện tụng. Tương tự trọng tài, hòa giải không công khai, cho phép các bên bảo mật thông tin nhạy cảm nên nhiều quốc gia coi hòa giải là một công cụ để giảm tải cho hệ thống tư pháp và thúc đẩy văn hóa đối thoại trong kinh doanh. Chỉ thị 2008/52/EC của Liên minh châu Âu yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo rằng quy định về thời hiệu không cản trở các bên khởi kiện tại Tòa án hay trọng tài sau khi hòa giải thất bại.

*Thứ ba, phương thức thương lượng trong giải quyết tranh chấp thương mại:* Là phương thức đầu tiên mà các bên thường nghĩ tới khi tranh chấp phát sinh trên phạm vi quốc tế. Tại Mỹ, theo ICDR/AAA, khoảng 72% vụ việc kết thúc trước khi có phán quyết trọng tài chính thức<sup>11</sup>. Tại Nhật Bản, thương lượng được thừa nhận và sử dụng phổ biến như một bước đầu trong giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt trong các mối quan hệ gắn kết như gia tộc, mạng lưới kinh doanh hoặc hiệp hội nghề nghiệp. Thương lượng không có thủ tục pháp lý rườm rà, không cần lệ phí, cho phép các bên linh hoạt tối đa trong việc trình bày quan điểm và đề xuất giải pháp; là quá trình nội bộ, không công khai, giúp các bên bảo vệ thông tin kinh doanh và giữ gìn uy tín.

**1.2. Quá trình hình thành và xu hướng lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án tại Việt Nam trong thời gian qua**

Tại Việt Nam, các phương thức ADR đã và đang được pháp luật ghi nhận và thúc đẩy, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Pháp luật Việt Nam tôn trọng quyền tự do thỏa thuận và giải quyết tranh chấp của các bên, không có quy định cụ thể nào ràng buộc về trình tự, thủ tục đối với phương thức thương lượng. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã bước đầu xác lập cơ sở pháp lý cho hoạt động hòa giải độc lập, dù vẫn cần hoàn thiện cơ chế công nhận, thi hành kết quả hòa giải. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và sự phát triển của các trung tâm trọng tài đã khẳng định vị thế của trọng tài trong hệ thống giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại.

*Thứ nhất,* Pháp luật Việt Nam đã từng bước ghi nhận và khuyến khích thương lượng. Điều 317 Luật Thương mại năm 2005 quy định thương lượng là bước đầu tiên, Điều 9 và Điều 38 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cho phép các bên tự do thương lượng trong quá trình tố tụng trọng tài, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 14 Luật Đầu tư năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2024 cũng khuyến khích thương lượng. Đây là phương thức có tính linh hoạt cao, không áp đặt hình thức hay trình tự cứng nhắc. Pháp luật chưa có quy định chế tài hoặc nguyên tắc cụ thể để đảm bảo các bên có thiện chí, tránh kéo dài thời gian, cũng chưa có khung pháp lý rõ ràng về đào tạo và chứng nhận nhà thương lượng chuyên nghiệp, khiến quá trình này phụ thuộc nhiều vào khả năng cá

<sup>7</sup> HKIAC Statistics 2024, <https://www.hkiac.org/news/hkiac-releases-statistics-2024>, truy cập ngày 12/9/2025.

<sup>8</sup> LCIA Annual Casework Report 2024, <https://www.lcia.org/News/lcias-2024-annual-casework-report.aspx>, truy cập ngày 12/9/2025.

<sup>9</sup> CEDR Mediation Audit 2023, tr. 3, <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2023/02/Tenth-CEDR-Mediation-Audit-2023.pdf>, truy cập ngày 12/9/2025.

<sup>10</sup> United Nations Convention on International Settlement Agreements resulting from Mediation, Treaty Series, Vol. 3360/ 2019, [https://treaties.un.org/pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtidsg\\_no=XXII-4&chapter=22&clang=en](https://treaties.un.org/pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtidsg_no=XXII-4&chapter=22&clang=en), truy cập ngày 12/9/2025.

<sup>11</sup> International Centre for Dispute Resolution (ICDR), “Time and Cost - Considering the Impact of Settling International Arbitrations”, *Arbitration Report*, [https://www.icdr.org/sites/default/files/document\\_repository/AAA241\\_ICDR\\_Time\\_and\\_Cost\\_Study.pdf](https://www.icdr.org/sites/default/files/document_repository/AAA241_ICDR_Time_and_Cost_Study.pdf), truy cập ngày 12/9/2025.



nhân. Kết quả thương lượng nếu đạt được cũng không có giá trị cưỡng chế thi hành nếu không được cụ thể hóa bằng văn bản có tính pháp lý ràng buộc hoặc được Tòa án công nhận.

*Thứ hai, đối với phương thức hoà giải thương mại:*

*Giai đoạn từ năm 1995 đến trước năm 2015:*

Nước ta chưa có một văn bản riêng về hòa giải, chỉ có Bộ luật Dân sự (năm 1995, 2005, 2015) và Luật Thương mại (năm 1997, 2005) đã đề cập đến hòa giải như một nguyên tắc định hướng. Luật Đầu tư và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng ghi nhận vai trò của hòa giải trong giai đoạn này.

*Giai đoạn từ năm 2015 đến nay:* Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 lần đầu tiên thừa nhận quyền yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án (Chương XXXIII). Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đánh dấu sự ra đời chính thức của pháp luật chuyên ngành, được xây dựng trong khuôn khổ thực hiện các cam kết gia nhập WTO, CPTPP và EVFTA, phù hợp với Luật mẫu UNCITRAL và đến khi có Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2028 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hoà giải thương mại, và mới đây là việc ban hành Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trong đó có trọng tài và hoà giải thương mại (Nghị định số 112/2025/NĐ-CP). Từ các quy định trên và xu thế ngày càng khuyến khích đối với cơ chế giải quyết bằng hoà giải thương mại, đến tháng 8/2025, nước ta đã có 10 Trung tâm Hòa giải Thương mại được thành lập<sup>12</sup>, cùng với một số Trung tâm Trọng tài mở rộng dịch vụ hòa giải thương mại, với tổng cộng 383 hòa giải viên thương mại đang đăng ký hoạt động trên cả nước (trong đó 179 người thuộc Trung tâm Hòa giải Thương mại, 204 người từ Trung tâm Trọng tài có đăng ký dịch vụ hòa giải). Điển hình trong các trung tâm hoà giải giai đoạn này là Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) trực thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), đã tiếp nhận 42 vụ việc hòa giải từ 2018-2024, các vụ việc đa dạng lĩnh vực như mua bán hàng hóa (33.3%), thi công, tư vấn thiết kế xây dựng, hợp tác kinh doanh. Đáng chú ý với 91% số vụ hòa giải thành công và 100% các bên đều tự nguyện thi hành văn bản về kết quả hòa giải thành, thành công này là nhờ VMC có danh sách 54 hòa giải viên Việt Nam và 18 hòa giải viên nước ngoài<sup>13</sup>.

<sup>12</sup> <https://btp.moj.gov.vn/Pages/hoa-giai-thuong-mai.aspx>, truy cập ngày 26/8/2025.

<sup>13</sup> Báo cáo của VMC, thuộc VIAC ngày 12/8/2025.

*Thứ ba, phương thức trọng tài thương mại:*

*Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1994:* Trong giai đoạn này, nước ta tồn tại hình thức Trọng tài Kinh tế Nhà nước (cơ quan hành chính) và các tổ chức trọng tài phi chính phủ (Hội đồng Trọng tài Ngoại thương, Hàng hải) chủ yếu giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài, nhưng vai trò còn hạn chế bởi thời điểm này nước ta chưa hoàn toàn thống nhất. Sau khi thống nhất, đất nước mới thực hiện công cuộc cải cách nên những hạn chế trên phần nhiều là do những yếu tố khách quan tác động bởi các hoạt động thương mại chưa được mở rộng, các doanh nghiệp đang có hạn chế, hội nhập quốc tế chưa thực sự sâu rộng.

*Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2010:* Giai đoạn này chúng ta đã thực hiện giải thể Trọng tài Kinh tế Nhà nước và thay thế bằng mô hình trọng tài phi Nhà nước với Nghị định số 116/CP ngày 05/9/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của trọng tài kinh tế. Sau này, việc ban hành Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003 phần nào đã nâng tầm địa vị pháp lý của trọng tài với tư cách là một trong các phương thức ADR có vị thế là một phương thức độc lập gắn với xu thế phát triển kinh tế hội nhập. Để luật hoá các quy định về trọng tài thương mại, Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 được ban hành có hiệu lực thay thế cho Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003. Tính đến thời điểm ban hành Luật Trọng tài thương mại, nước ta có 07 Trung tâm trọng tài hoạt động, nhưng trừ VIAC hoạt động sôi nổi và đã dần khẳng định được thương hiệu, còn các trung tâm trọng tài khác hoạt động vẫn ở mức độ giới hạn nhất định so với yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

*Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:* Sau khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 ban hành và có hiệu lực từ 01/01/2011, văn bản pháp luật này được coi là đạo luật toàn diện đầu tiên, tiếp thu các nguyên tắc cơ bản của Luật Mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại. Kể từ khi ban hành Luật Trọng tài đến tháng 4/2025, nước ta có tổng cộng 49 Trung tâm Trọng tài Thương mại và một Văn phòng đại diện của Ủy ban Trọng tài Thương mại Hàn Quốc đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam<sup>14</sup>. Hầu hết các trung tâm tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng trọng tài viên trên cả nước đã vượt qua mốc 700 người, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài, VIAC có số lượng trọng tài viên lớn nhất là 204 người (với 167 trọng tài viên Việt Nam và 37 trọng tài viên nước ngoài). Trong số các trung tâm trọng tài thì VIAC - trung tâm trọng tài lớn nhất ở Việt Nam, trong giai đoạn 1993 – 2024 đã thụ

<sup>14</sup> <https://btp.moj.gov.vn/qt/Pages/trong-tai-tm.aspx?Keyword=&Field=&Page=5>, truy cập ngày 22/8/2025.



lý 3.391 vụ tranh chấp (riêng năm 2024 thụ lý 475 vụ) với tổng giá trị 87.078 tỉ đồng (~ 3,37 tỉ USD)<sup>15</sup>. Có thể nói, số lượng trung tâm trọng tài ở nước ta hiện nay là khá lớn, “các trung tâm trọng tài được phát triển sẽ góp phần giảm tải áp lực cho Tòa án, cho Nhà nước trong việc giải quyết những tranh chấp thương mại, tạo cho đất nước một nhân tố bổ sung năng lực cạnh tranh của nền kinh tế”<sup>16</sup>. Tuy nhiên, năng lực và tính chuyên nghiệp của nhiều trọng tài viên còn hạn chế và chỉ một số ít trung tâm và trọng tài viên có khả năng xử lý các vụ kiện quốc tế lớn, phức tạp. Mặc dù trung tâm trọng tài và số lượng trọng tài viên đã có sự gia tăng, nhưng nhìn chung doanh nghiệp Việt Nam chưa có niềm tin vững chắc vào tính hiệu lực và khả năng thi hành các phán quyết trọng tài trong nước, chủ yếu do tình trạng Tòa án hủy phán quyết trọng tài với các lý do “mơ hồ” như “vi phạm nghiêm trọng trình tự tố tụng” hoặc “trái các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Trong số các phán quyết của trọng tài bị hủy giai đoạn 2011 – 2024, có 181 phán quyết trọng tài được yêu cầu hủy, tổng số được hủy là 43, số phán quyết bị hủy lý do trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là 20<sup>17</sup>. Vẫn còn mâu thuẫn về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với phán quyết trọng tài nước ngoài giữa Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại. Thiếu cơ chế công nhận và thi hành biện pháp khẩn cấp tạm thời do trọng tài nước ngoài ban hành. Mặc dù Luật Trọng tài thương mại ghi nhận vai trò hỗ trợ của Tòa án, nhưng mối quan hệ này còn thiếu rõ ràng, nhất quán. Tòa án có thể xem xét lại thẩm quyền của trọng tài ở giai đoạn hủy phán quyết, dù trước đó đã bác đơn khiếu nại về thẩm quyền, gây lặp lại xét xử và giảm tính hiệu lực.

Dù còn có những hạn chế trong lựa chọn các phương thức ADR, theo thống kê, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam thời gian qua được các chủ thể lựa chọn, thương lượng là phương thức phổ biến nhất với 57.83% doanh nghiệp lựa chọn, tiếp theo là hòa giải với 51.43%, trong khi trọng tài được 8.45%, Tòa án được 16.87%<sup>18</sup>. Sự ưu tiên thương lượng phản ánh tính đơn giản, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí của phương thức này. Tuy

nhien, thương lượng không được hỗ trợ bởi một cơ chế ràng buộc để thực thi thỏa thuận, dẫn đến việc các bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án hoặc trọng tài sau đó. Hòa giải, mặc dù có nhiều lợi thế, vẫn chưa được nhiều doanh nghiệp nhận biết và đặt niềm tin nên tỷ lệ còn thấp so với Tòa án và trọng tài. Trong bối cảnh như vậy, việc khai thác hiệu quả các phương thức ADR không chỉ là một yêu cầu pháp lý mà còn là một chiến lược quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam.

### 2. Dự báo xu hướng lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án ở Việt Nam trong thời đại mới

#### 2.1. Lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại đáp ứng yêu cầu của “kỷ nguyên bút phá” và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Như đã nêu ở trên, Việt Nam đang đặt ra mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế chia sẻ, cùng với việc hình thành các trung tâm tài chính quốc tế tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới và việc ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Những mô hình kinh tế mới này đòi hỏi một cơ chế giải quyết tranh chấp nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả và có khả năng thích ứng cao, điều mà hệ thống Tòa án truyền thống khó có thể đáp ứng hoàn toàn. Giải quyết nhanh chóng các tranh chấp kinh tế, thương mại chính là giải phóng nguồn lực cho sự phát triển.

*Thứ nhất, giảm tải áp lực cho Tòa án.* Hệ thống Tòa án Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng quá tải nghiêm trọng, đặc biệt tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng. Số lượng vụ án dân sự, kinh tế yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lớn gấp hàng trăm lần số vụ trọng tài xử lý. Sự quá tải này ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và chất lượng xét xử, gây bế tắc và ứ đọng các nguồn lực xã hội. Các phương thức ADR có khả năng lọc ra các tranh chấp có thể giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài, qua đó giúp Tòa án tập trung vào những vụ việc thực sự phức tạp và mang tính nguyên tắc pháp lý cao. Đây là một yếu tố tương hỗ phát triển to lớn giữa Tòa án và không những trọng tài mà còn là hòa giải và thương lượng.

*Thứ hai, lựa chọn phương thức ADR là phù hợp với đặc trưng kinh tế thị trường.* Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhấn mạnh quyền tự do kinh doanh và quyền tự định đoạt của các bên. Các phương thức ADR được xây dựng trên nền tảng tự nguyện và thỏa thuận, cụ thể hóa rõ nét quyền này, tạo nên một hành lang pháp lý linh hoạt và thân thiện với bản chất của các quan hệ thương mại tự do, độc lập, chủ động, sáng tạo.

<sup>15</sup> Báo cáo của VIAC ngày 12/8/2025.

<sup>16</sup> Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, “Thiết chế trọng tài trong kỷ nguyên mới của đất nước”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, số 11+12/2024.

<sup>17</sup> Tờ trình số 186/TTr-HLGVN ngày 03/6/2024 của Hội Luật gia Việt Nam đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trọng tài thương mại, tr. 4.

<sup>18</sup> <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=67942>, truy cập ngày 26/8/2025.



## 2.2. Khắc phục hạn chế của hệ thống tư pháp truyền thống và tối ưu hóa lợi ích kinh doanh

Mặc dù Tòa án là thiết chế quan trọng trong bảo vệ công lý, nhưng phương thức tố tụng tại Tòa án vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cố hữu, đặc biệt trong bối cảnh thương mại hiện đại.

*Thứ nhất, tính phù hợp về thời gian và chi phí.* Việc giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án thường mất nhiều thời gian, có thể kéo dài nhiều tháng, thậm chí vài năm, với chi phí đáng kể. Điều này đặc biệt bất lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, gây đình trệ nguồn lực, ảnh hưởng đến danh tiếng và quan hệ đối tác. Ngược lại, các phương thức ADR thường nhanh chóng hơn, ít thủ tục rườm rà về mặt pháp lý, giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí để doanh nghiệp tập trung giải quyết các công việc kinh doanh.

*Thứ hai, đảm bảo được tính bảo mật khi giải quyết tranh chấp.* Tố tụng tại Tòa án thường công khai, khiến các thông tin nhạy cảm về tài chính, công nghệ, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có thể bị tiết lộ, ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng và hoạt động kinh doanh. Các phương thức ADR, đặc biệt là hòa giải và trọng tài, bảo vệ tính riêng tư, an toàn cho các bên, giúp giữ kín thông tin liên quan đến tranh chấp.

*Thứ ba, bảo toàn quan hệ đối tác trong hoạt động thương mại.* Tìm kiếm khách hàng đã khó, giữ được mối quan hệ với khách hàng thì càng khó hơn, nhưng khi có tranh chấp thương mại nếu giải quyết bằng tố tụng Tòa án thường mang tính đối kháng “thắng – thua”, làm tổn hại nghiêm trọng đến mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các bên. Trong khi đó, các phương thức ADR, đặc biệt là thương lượng và hòa giải, hướng tới việc tìm ra giải pháp có lợi cho cả hai bên, từ đó duy trì hoặc thậm chí nâng cao quan hệ hợp tác. Điều này phù hợp với văn hóa châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng, vốn đề cao hòa khí, trọng chữ tình, hài hòa và tránh đối đầu.

## 2.3. Yêu cầu của hội nhập quốc tế và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ là mở cửa thị trường mà còn là quá trình “đồng bộ hóa” thể chế quốc gia với chuẩn mực pháp lý toàn cầu. Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA.

*Thứ nhất, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực quốc tế.* Các FTA thế hệ mới đều nhấn mạnh yêu cầu minh bạch hóa và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, thường ưu tiên các phương thức ngoài Tòa án như trọng tài. Việc phát triển các phương thức ADR tại Việt Nam là cần thiết để đáp ứng các chuẩn mực quốc tế như Luật mẫu UNCITRAL về trọng tài và hòa giải, Công ước New York năm 1958 và Công ước Singapore năm 2019.

*Thứ hai, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).* Các doanh nghiệp nước ngoài thường ngại đưa vụ việc ra Tòa án Việt Nam do thủ tục tố tụng phức tạp, thời gian kéo dài và khả năng áp dụng luật nước ngoài còn hạn chế. Việc phát triển các phương thức ADR giảm bớt những lo ngại đó, gia tăng niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào hệ thống pháp lý trong nước, qua đó thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam.

*Thứ ba, hạn chế xung đột pháp luật.* Các phương thức ADR được nhìn nhận là công cụ hạn chế “xung đột pháp luật” trong tranh chấp thương mại toàn cầu, nhờ khả năng áp dụng luật do các bên tự thỏa thuận và các quy tắc tố tụng linh hoạt. Điều này tạo ra một không gian pháp lý linh hoạt, giúp các chủ thể trong hoạt động thương mại điều hướng rủi ro và duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh xuyên biên giới.

*Thứ tư, khả năng thi hành quốc tế.* Phán quyết trọng tài quốc tế được bảo đảm thực thi tại hơn 170 quốc gia theo Công ước New York năm 1958. Khả năng thi hành hiệu quả trên phạm vi toàn cầu là điểm hấp dẫn khiến trọng tài trở thành lựa chọn ưu tiên hàng đầu so với phương thức Tòa án bị ràng buộc bởi phạm vi lãnh thổ quốc gia.

## 2.4. Cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân

Quyền tự do kinh doanh là quyền kinh tế cơ bản, được Hiến pháp Việt Nam năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025 ghi nhận. Trong nền kinh tế thị trường, quyền này không chỉ dừng lại ở việc “được phép kinh doanh” mà còn bao hàm quyền được tự do lựa chọn các công cụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp, trong đó có phương thức giải quyết tranh chấp.

*Thứ nhất, tự do thỏa thuận và định đoạt.* Các phương thức ADR trao cho các bên tranh chấp quyền tự do lựa chọn người giải quyết (hòa giải viên, trọng tài viên), ngôn ngữ, địa điểm, luật áp dụng và thủ tục tố tụng. Sự chủ động này là biểu hiện cụ thể của quyền định đoạt, quyền tự quyết trong tranh chấp – một phần thiết yếu trong quyền tự do kinh doanh của thương nhân.

*Thứ hai, linh hoạt trong quy trình.* Phương thức ADR trao cho thương nhân cơ hội giải quyết tranh chấp một cách linh hoạt, không bị trói buộc bởi trình tự tố tụng cứng nhắc của Tòa án. Ví dụ, trong hòa giải, các bên có thể chủ động chấm dứt tranh chấp ngay khi đạt được điểm đồng thuận, không cần phải chờ một phán quyết như tại Tòa án. Điều này thể hiện rõ nguyên tắc “thương nhân tự quyết – tự chịu trách nhiệm”, giúp tăng cường trách nhiệm cá nhân và đạo đức kinh doanh.

*Thứ ba, “bảo hiểm pháp lý”.* Với ưu điểm về tốc độ, bảo mật và khả năng kiểm soát quá trình giải quyết tranh chấp, các phương thức



ADR đóng vai trò như “bảo hiểm pháp lý” cho các thương nhân khi xảy ra sự cố, tạo lập một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch, ít rủi ro.

### 2.5. Nhu cầu về phương thức giải quyết tranh chấp cộng tác, linh hoạt và đa tầng

Trong thời đại mới, các doanh nghiệp không chỉ quan tâm đến kết quả thắng-thua mà còn đề cao quy trình giải quyết tranh chấp mang tính xây dựng và khả năng duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài.

*Thứ nhất, giải pháp “win-win”:* Các phương thức ADR hiệu quả không nhằm mục tiêu thắng-thua, mà là tìm ra giải pháp có lợi cho cả hai bên, từ đó duy trì hoặc thậm chí nâng cao quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững, gắn kết, tạo tiền đề cho các hoạt động thương mại về sau.

*Thứ hai, cơ chế kết hợp:* Để tận dụng ưu điểm của từng phương thức và khắc phục hạn chế của việc áp dụng đơn lẻ, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình giải quyết tranh chấp kết hợp (ví dụ: Arb-Med-Arb). Việt Nam cũng đang có xu hướng phát triển các mô hình tích hợp giữa trọng tài và hòa giải, như gói Trọng tài – Hòa giải (Med-Arb) hay quy trình Trọng tài – Hòa giải – Trọng tài (Arb-Med-Arb) do VIAC và VMC cung cấp. Việc thể chế hóa các mô hình này sẽ tăng cường tính linh hoạt và phản ứng kịp thời với các yêu cầu bảo vệ quyền lợi cấp bách của các bên.

*Thứ ba, ứng dụng công nghệ số (ODR):* “Kỷ nguyên bút phá” gắn liền với chuyển đổi số. Việc ứng dụng công nghệ số vào các phương thức ADR (như thương lượng điện tử, hòa giải trực tuyến, trọng tài điện tử) sẽ giúp giảm thiểu rào cản về chi phí và khoảng cách địa lý, nâng cao hiệu quả và khả năng tiếp cận công lý cho các doanh nghiệp. VIAC eCase là một ví dụ điển hình cho xu hướng này, với mục tiêu trở thành nền tảng tích hợp tất cả trong một cho hoạt động nộp đơn điện tử và quản lý vụ tranh chấp trực tuyến.

Tóm lại, xu hướng lựa chọn các phương thức ADR ở Việt Nam trong thời đại mới là một sự chuyển dịch tất yếu, được thúc đẩy bởi nhu cầu nội tại của nền kinh tế thị trường, áp lực từ hội nhập quốc tế và khả năng khắc phục những hạn chế của hệ thống tư pháp truyền thống. Để đáp ứng xu thế này, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường nhận thức xã hội về vai trò chiến lược của ADR trong một nền kinh tế năng động và hội nhập.

### Kết luận

Sau nhiều thập kỷ đổi mới và hội nhập, Việt Nam đang bước vào một “kỷ nguyên bút phá”, đòi hỏi sự chuyển mình mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là hệ thống pháp lý nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững. Trong bối cảnh này, việc nhìn nhận và phát huy vai trò

của các phương thức ADR không chỉ là một lựa chọn mà đã trở thành một tất yếu khách quan. Qua phân tích, có thể khẳng định rằng, xu hướng ưu tiên lựa chọn các phương thức ADR như thương lượng, hòa giải và trọng tài tại Việt Nam trong thời gian tới là không thể đảo ngược. Mặc dù đã có những thành tựu đáng ghi nhận về phát triển pháp luật và cơ sở hạ tầng cho ADR tại Việt Nam (như sự ra đời của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, sự phát triển của VIAC, VMC và các trung tâm trọng tài, hoà giải trên cả nước), vẫn còn nhiều thách thức. Niềm tin vào các phán quyết trọng tài trong nước cần được củng cố, chất lượng đội ngũ chuyên gia pháp lý cần nâng cao, và sự thiếu nhất quán trong áp dụng pháp luật, đặc biệt từ phía Tòa án trong vai trò hỗ trợ và giám sát, cần được khắc phục một cách đồng bộ.

Để thực sự phát huy vai trò chiến lược của ADR, cần có một chiến lược phát triển quốc gia mang tầm nhìn toàn diện, dài hạn và thực chất. Điều này đòi hỏi sự đồng hành của Nhà nước (thông qua việc hoàn thiện thể chế và chính sách hỗ trợ), Tòa án (với vai trò hỗ trợ hiệu quả và giám sát đúng mức), các trung tâm trọng tài và hòa giải (nâng cao chất lượng hoạt động và nhân sự), cộng đồng doanh nghiệp (nâng cao nhận thức và chủ động lựa chọn), và giới học thuật (nghiên cứu, đề xuất giải pháp). Khi ADR trở thành “giải pháp chủ động” thay vì chỉ là “giải pháp cuối cùng”, hệ thống pháp luật sẽ trở nên hiện đại, công bằng, hiệu quả, góp phần khai thông các nguồn lực, tạo dựng niềm tin và thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội bền vững của Việt Nam trong “kỷ nguyên bút phá”./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, “Thiết chế trọng tài trong kỷ nguyên mới của đất nước”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, số 11+12/2024;
2. Lê Hồng Hạnh (chủ nhiệm) (2010), *Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học Pháp lý – Bộ Tư pháp, Hà Nội;
3. Đoàn Trung Kiên (chủ nhiệm) (2019), *Pháp luật về hoà giải thương mại ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Tư pháp, Hà Nội;
4. Đoàn Trung Kiên (chủ nhiệm) (2020), *Pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài – Thực trạng và hướng hoàn thiện*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Tư pháp, Hà Nội;
5. Nguyễn Quang Tuyến, *Những vấn đề hiện đại của pháp luật kinh tế Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024;
6. Bộ Tư pháp – Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hội thảo khoa học cấp Quốc gia, Hà Nội.